

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

---



ISO 9001:2015

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thanh Thúy**

**Giảng viên hướng dẫn : Ths. Phạm Thị Kim Oanh**

**HẢI PHÒNG – 2020**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TNHH BẢO PHÚC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Thanh Thúy**

**Giảng viên hướng dẫn : Ths. Phạm Thị Kim Oanh**

**HẢI PHÒNG – 2020**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

---

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

**Sinh viên:** Nguyễn Thị Thanh Thúy

**Mã SV:** 1412401235

**Lớp** : QT1804K

**Ngành** : Kế toán – Kiểm toán

**Tên đề tài:** Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh tại Công ty TNHH Bảo Phúc

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

## 1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Tìm hiểu lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Tìm hiểu thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Bảo Phúc.
- Đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Bảo Phúc.

## 2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, giấy báo có, giấy báo nợ, phiếu xuất kho, phiếu kế toán và các chứng từ khác liên quan...
- Tài khoản sử dụng: TK 511, TK 515, TK 632, TK 642, TK 711, TK 811, TK 911...
- Sổ sách sử dụng: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, ...

## 3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc.

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Họ và tên** : Phạm Thị Kim Oanh

**Học hàm, học vị** : Thạc sĩ

**Cơ quan công tác** : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

**Nội dung hướng dẫn:** Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh tại Công ty TNHH Bảo Phúc

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 30 tháng 03 năm 2020

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN  
*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN  
*Giảng viên hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày tháng năm 2020*

**HIỆU TRƯỞNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP**

Họ và tên giảng viên: Phạm Thị Kim Oanh  
Đơn vị công tác: Trường Đại học Quản lý và công nghệ Hải Phòng  
Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Thanh Thúy Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán  
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Bảo Phúc

Nội dung hướng dẫn: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp**

- Nghiêm túc, ham học hỏi trong quá trình viết khóa luận tốt nghiệp
- Đảm bảo đúng yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu của đề tài doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
- Chăm chỉ, chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tiễn, thu thập tài liệu liên quan và đề xuất được các giải pháp góp phần hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

**2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)**

- Tác giả đã hệ thống hóa được lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Bảo Phúc.
- Những kiến nghị, đề xuất gắn với thực tiễn giúp hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị.

**3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp**

Được bảo vệ  Không được bảo vệ  Điểm hướng dẫn

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm .....*

**Giảng viên hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

---

## MỤC LỤC

|   |    |
|---|----|
| <b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....   | 5  |
| <b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</b> ..... | 6  |
| 1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....                          | 6  |
| 1.1.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....                      | 6  |
| 1.1.2. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....                | 7  |
| 1.1.3. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....                          | 8  |
| 1.1.3.1. Doanh thu .....  | 8  |
| 1.1.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu .....   | 11 |
| 1.1.3.3. Chi phí .....  | 12 |
| 1.1.3.4. Xác định kết quả kinh doanh.....   | 14 |
| 1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, xác định kết quả kinh doanh .....                      | 14 |
| 1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ .....   | 14 |
| 1.2.1.1. Chứng từ sử dụng.....  | 14 |
| 1.2.1.2. Tài khoản sử dụng .....  | 14 |
| 1.2.1.3. Phương pháp hạch toán .....  | 14 |
| 1.2.2. Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....   | 15 |
| 1.2.2.1. Chứng từ sử dụng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....  | 15 |
| 1.2.2.2. Tài khoản sử dụng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....   | 15 |
| 1.2.2.3. Phương pháp hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....   | 16 |
| 1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....  | 16 |
| 1.2.3.1. Chứng từ sử dụng giá vốn hàng bán .....  | 16 |

---

|  |    |
|--|----|
| 1.2.3.2. Tài khoản sử dụng giá vốn hàng bán .....  | 16 |
| 1.2.3.3. Phương pháp hạch toán giá vốn hàng hóa. ....  | 17 |
| 1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....  | 19 |
| 1.2.4.1. Chứng từ sử dụng kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....                                 | 19 |
| 1.2.4.2. Tài khoản sử dụng kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....                                | 20 |
| 1.2.4.3. Phương pháp hạch toán kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....                            | 20 |
| 1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....                   | 21 |
| 1.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....   | 21 |
| 1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính .....   | 22 |
| 1.2.5.3. Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....   | 23 |
| 1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....   | 26 |
| 1.2.6.1. Kế toán thu nhập khác.....  | 26 |
| 1.2.6.2. Kế toán chi phí khác.....   | 26 |
| 1.2.6.3. Phương pháp hạch toán trong kế toán thu nhập khác và chi phí khác...                      | 27 |
| 1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....  | 28 |
| 1.2.7.1. Chứng từ sử dụng trong kế toán xác định kết quả kinh doanh .....                          | 28 |
| 1.2.7.2. Tài khoản sử dụng trong kế toán xác định kết quả kinh doanh .....                         | 28 |
| 1.2.7.3. Phương pháp hạch toán trong kế toán xác định kết quả kinh doanh .....                     | 29 |
| 1.2.8. Các hình thức ghi sổ trong doanh nghiệp .....   | 30 |
| 1.2.8.1. Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức Nhật ký chung .....            | 30 |
| 1.2.8.2. Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức Nhật ký - Sổ cái .....         | 31 |
| 1.2.8.3. Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức Chứng từ ghi sổ .....          | 32 |
| 1.2.8.4. Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức kế toán trên máy vi tính ..... | 33 |



---

|  |           |
|--|-----------|
| <b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BẢO PHÚC.....</b>                        | <b>34</b> |
| 2.1 Tổng quan về công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc .  | 34        |
| 2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc .....  | 34        |
| 2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc. ....  | 35        |
| 2.1.3 Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc. ....   | 36        |
| 2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc.....                                    | 40        |
| 2.2.1 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc. ....                                    | 40        |
| 2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc.....   | 40        |
| 2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc. ..  | 47        |
| 2.2.1.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc. ....  | 54        |
| 2.2.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc. ....   | 62        |
| 2.2.3 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí khác tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc .....  | 68        |
| 2.2.4 Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc.....   | 68        |
| <b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BẢO PHÚC. ....</b> | <b>77</b> |
| 3.1 Đánh giá chung công tác kế toán. ....  | 77        |
| 3.2 Một số giải pháp.....  | 78        |

---

|   |           |
|---|-----------|
| 3.2.1 Giải pháp 1: Công ty nên tiến hành mở sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán để xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng ..... | 78        |
| 3.2.2 Giải pháp 2: Áp dụng phần mềm kế toán.....  | 84        |
| <b>KẾT LUẬN .....</b>   | <b>87</b> |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>   | <b>89</b> |

---

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện kinh tế hiện nay, để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng hợp lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tỷ suất của nó. Để đạt được mục tiêu trên thì doanh thu bán hàng phải lớn hơn chi phí bỏ ra. Nhờ vậy, doanh thu bán hàng và kết quả bán hàng là hai mặt của một vấn đề, có mối quan hệ tỷ lệ thuận với nhau trong đó doanh thu là điều kiện tiên quyết, quyết định hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh.

Xuất phát từ tầm quan trọng của vấn đề nêu trên, qua quá trình thực tập tại Công ty TNHH Bảo Phúc, được sự giúp đỡ của ban giám đốc, các cán bộ phòng Kế toán, cùng sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn TH.S. Phạm Thị Kim Oanh, em đi sâu vào nghiên cứu đề tài: *“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Bảo Phúc”*.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung khóa luận gồm 3 chương:

**Chương 1:** Những lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

**Chương 2:** Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Bảo Phúc.

**Chương 3:** Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Bảo Phúc.

Mặc dù đã rất cố gắng song vì bản thân chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế nên khóa luận chắc chắn không tránh khỏi sai sót. Do vậy em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn sinh viên để hoàn thiện hơn bài khóa luận của mình.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

---

# CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

## 1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

### 1.1.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

#### ➤ Đối với doanh nghiệp:

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
- Có căn cứ để thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

#### ➤ Đối với nhà nước:

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng đối với Nhà nước:

- Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước có thể tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị - an ninh - xã hội tốt nhất.
- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để ra các giải pháp phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua các chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản phụ cấp, trợ cấp, trợ giá.

#### ➤ Đối với nhà đầu tư:

---

Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính, các nhà đầu tư sẽ phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

➤ **Đối với các tổ chức tài chính trung gian:**

Các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

➤ **Đối với nhà cung cấp:**

Kết quả kinh doanh và lịch sử thanh toán là căn cứ để đưa ra các quyết định về việc cho doanh nghiệp chậm thanh toán.

### **1.1.2. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

➤ **Yêu cầu của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Quản lý nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa trong doanh nghiệp là quá trình quản lý hàng hóa về số lượng, chất lượng giá trị hàng hóa bán ra, quản lý từ khâu mua, bán từng mặt hàng, từng nhóm hàng cho đến khi thu được tiền hàng cụ thể như sau:

- Quản lý về số lượng: giá trị hàng hóa xuất bán bao gồm việc quản lý từng người mua, từng lần gửi hàng, từng nhóm hàng.

- Quản lý về giá cả bao gồm: việc lập dự định về theo dõi, việc thực hiện giá đưa ra kế hoạch của kỳ tiếp theo.

- Quản lý việc thu hồi tiền bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: quản lý tiêu thụ hàng hóa tốt sẽ tạo điều kiện cho quản lý kết quả kinh doanh tốt. Từ đó hạn chế rủi ro trong kinh doanh cũng như ngăn chặn nguy cơ thất thoát hàng hóa, đảm bảo tính chính xác của các số liệu đưa ra.

➤ **Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã,... đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

---

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ để cuối kỳ tập hợp doanh thu, cho phí, từ đó xác định được kết quả kinh doanh.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác.

- Theo dõi chi tiết, riêng biệt từng loại doanh thu, kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập các báo cáo tài chính.

- Theo dõi chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí của từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác định được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, cung cấp cho ban lãnh đạo những thông tin cần thiết để xây dựng những kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp .

### **1.1.3. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

#### **1.1.3.1. Doanh thu**

a) Một số khái niệm về doanh thu

- Doanh thu bán hàng là tổng các giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản

---

phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Doanh thu thuần là doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu hoạt động tài chính: bao gồm các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính như tiền lãi gồm tiền lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ... thu nhập cho thuê tài sản, cổ tức, lợi tức được chia, chênh lệch lãi tỷ giá ngoại tệ...

- Thu nhập khác: là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

+ Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

+ Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

+ Thu nhập từ nghiệp vụ bán và cho thuê lại tài sản.

+ Thu tiền được phát do khách hàng vi phạm hợp đồng.

+ Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.

+ Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại.

+ Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ.

+ Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).

+ Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

b) Thời điểm ghi nhận doanh thu

➤ **Ghi nhận doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa.**

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

---

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Trường hợp doanh nghiệp vẫn còn chịu phần lớn rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa thì giao dịch không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không được ghi nhận như:

+ Doanh nghiệp vẫn còn phải chịu trách nhiệm để đảm bảo cho tài sản được hoạt động bình thường, mà việc này không nằm trong các điều kiện bảo hành thông thường.

+ Việc thanh toán tiền bán hàng còn chưa chắc chắn vì phụ thuộc vào người mua.

+ Hàng hóa được giao còn chờ lắp đặt đó là một phần quan trọng của hợp đồng mà doanh nghiệp chưa hoàn thành.

+ Khi người mua có quyền hủy bỏ việc mua hàng vì một lý do gì đó được nêu trong hợp đồng mua bán và doanh nghiệp chưa chắc chắn về khả năng hàng bán có bị trả lại hay không.

➤ **Ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ.**

- Cung cấp dịch vụ: Nghĩa là thực hiện những công việc đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy.

- Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 3 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

➤ **Ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia.**

- Tiền lãi: Là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tiền hoặc các khoản tương đương tiền như: Lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu...



---

- Tiền bản quyền: Là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tài sản như: bằng sáng chế, bản quyền tác giả, nhãn hiệu thương mại...

- Cổ tức và lợi nhuận được chia: Là số tiền lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

+ Tiền lãi bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận cổ đông được quyền nhận cổ tức (hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận).

### ***1.1.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu***

➤ **Chiết khấu thương mại:** Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

➤ **Giảm giá hàng bán:** Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

➤ **Giá trị hàng bán bị trả lại:** Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã được xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ.

➤ **Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp:**

---

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng.

- Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu thụ. Thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

**\* Doanh thu thuần là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu.**

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

### **1.1.3.3. Chi phí**

Chi phí nói chung là một loại hao phí được thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ nhằm đến việc đạt được mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp: Doanh thu và lợi nhuận.

#### **a) Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### **b) Chi phí quản lý kinh doanh**

➤ Chi phí bán hàng. Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng.
- Chi phí vật liệu bao bì.

- 
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
  - Chi phí khấu hao tài sản cố định.
  - Chi phí bảo hành sản phẩm.
  - Chi phí dịch vụ mua ngoài.
  - Chi phí bằng tiền khác.

➤ Chi phí quản lý doanh nghiệp : Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý.
- Chi phí vật liệu quản lý.
- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- Thuế, phí và lệ phí.
- Chi phí dự phòng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí bằng tiền khác.

#### c) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển khoản chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, các khoản lập và hoàn nhập giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

#### d) Chi phí khác

Chi phí khác gồm: Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý nhượng bán, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác...

#### e) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

---

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

#### **1.1.3.4. Xác định kết quả kinh doanh**

- Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động
- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa nâng cấp, chi phí thuê hoạt động,...), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

### **1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, xác định kết quả kinh doanh**

#### **1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ**

##### **1.2.1.1. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

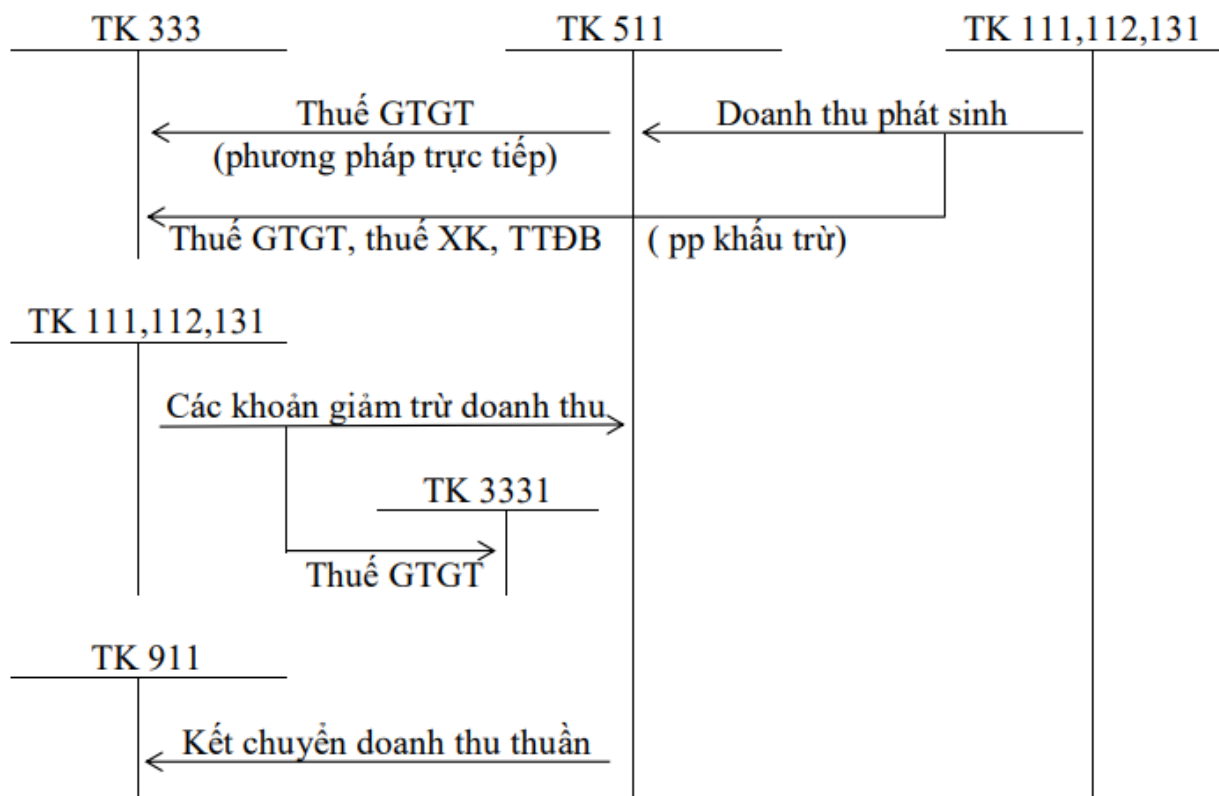
##### **1.2.1.2. Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

##### **1.2.1.3. Phương pháp hạch toán**

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ được khái quát qua sơ đồ 1.1 sau:



**Sơ đồ 1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

## 1.2.2. Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

### 1.2.2.1. Chứng từ sử dụng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu chi.
- Giấy báo nợ của ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

### 1.2.2.2. Tài khoản sử dụng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- TK 511: Doanh thu và bán hàng cung cấp dịch vụ.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm :

- ❖ Chiết khấu thương mại : là khoản doanh nghiệp giảm trừ cho người mua với số lượng mua đạt được một doanh số nào đó. Hoặc theo chính sách kích thích bán hàng của doanh nghiệp trong từng giai đoạn.
- ❖ Hàng bán bị trả lại : là một khoản doanh thu bán hàng của doanh nghiệp trong kỳ. Hàng bán bị trả lại trong trường hợp doanh nghiệp cung cấp hàng hóa sai quy cách, phẩm chất, kích cỡ ... so với hợp đồng kinh tế.

- ❖ Giảm giá hàng bán : Doanh nghiệp giảm giá hàng bán khi hàng của doanh nghiệp gần hết date, doanh nghiệp muốn tiêu thụ hết hàng tồn kho ... Giảm giá hàng bán cũng làm doanh thu hàng bán và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm.

### 1.2.2.3. Phương pháp hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Phương pháp hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát theo sơ đồ 1.1

## 1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

### 1.2.3.1. Chứng từ sử dụng giá vốn hàng bán

- Phiếu xuất kho.
- Các chứng từ khác có liên quan.

### 1.2.3.2. Tài khoản sử dụng giá vốn hàng bán

Sử dụng TK 632 - “Giá vốn hàng bán” để phản ánh trị giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh sản xuất, chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý bất động sản đầu tư trong kỳ. Có các phương pháp để tính giá vốn hàng xuất kho:

- Phương pháp bình quân gia quyền: Theo phương pháp này thì giá vốn hàng bán xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân:

Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa xuất kho = Số lượng sản phẩm, hàng hóa xuất kho \* Đơn giá bình quân

+ Nếu đơn giá bình quân tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:

|  |   |  |
|--|---|--|
| Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ | = | $\frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}$ |
|--|---|--|

---

+ Nếu đơn giá bình quân tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

Khi tính đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập của sản phẩm, hàng hóa vật tư. Kế toán phải lưu ý đến số lượng và đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn lại sau mỗi lần nhập.

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

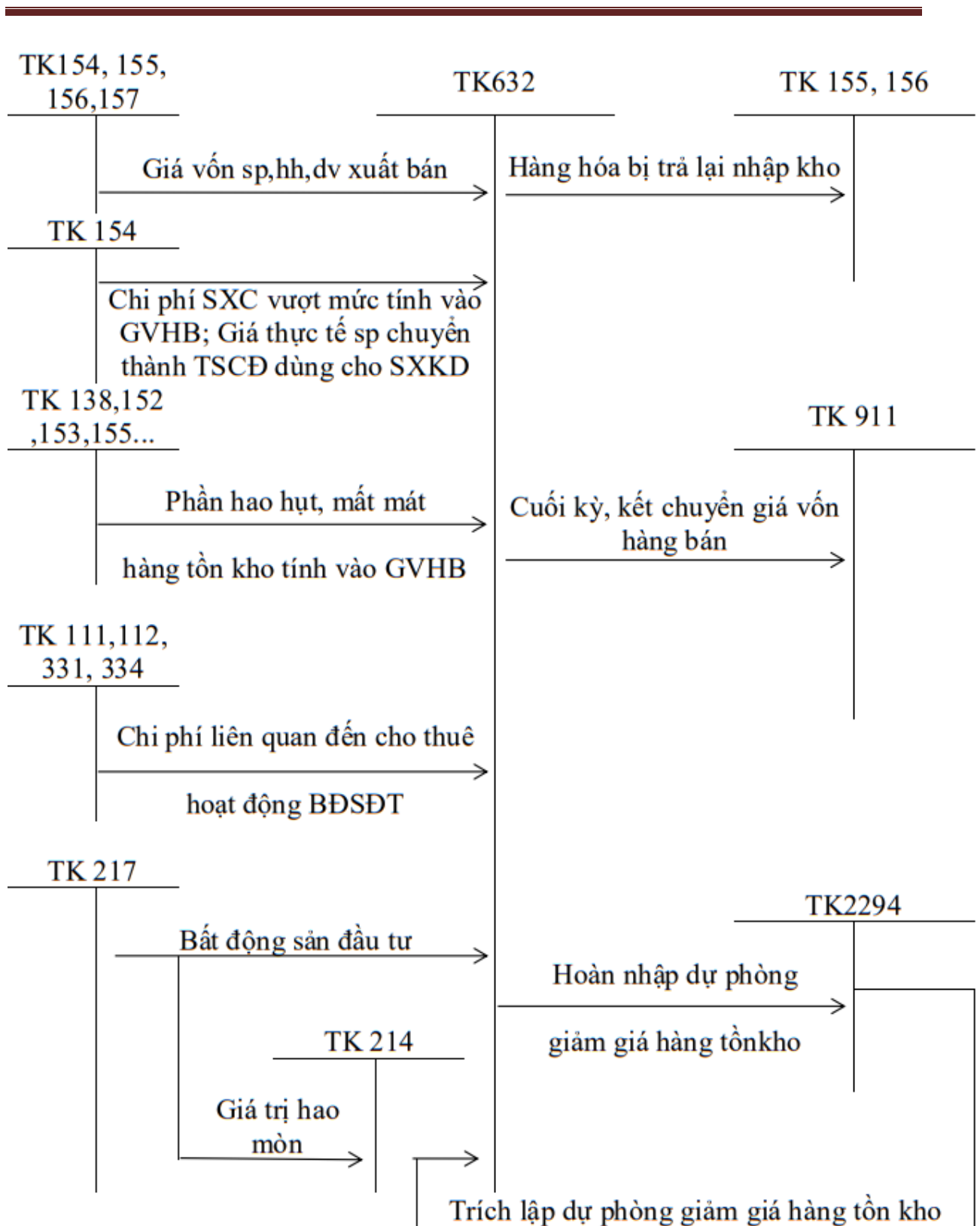
Theo phương pháp này, sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập trước thì sẽ xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn tại cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập cuối cùng.

- Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, giá trị vốn hàng hóa xuất kho được xác định dựa trên giả định khi xuất kho sản phẩm, hàng hóa, vật tư thì căn cứ vào đơn giá từng lần nhập, xuất hàng hóa thuộc lô nào thì lấy đơn giá của lô đó.

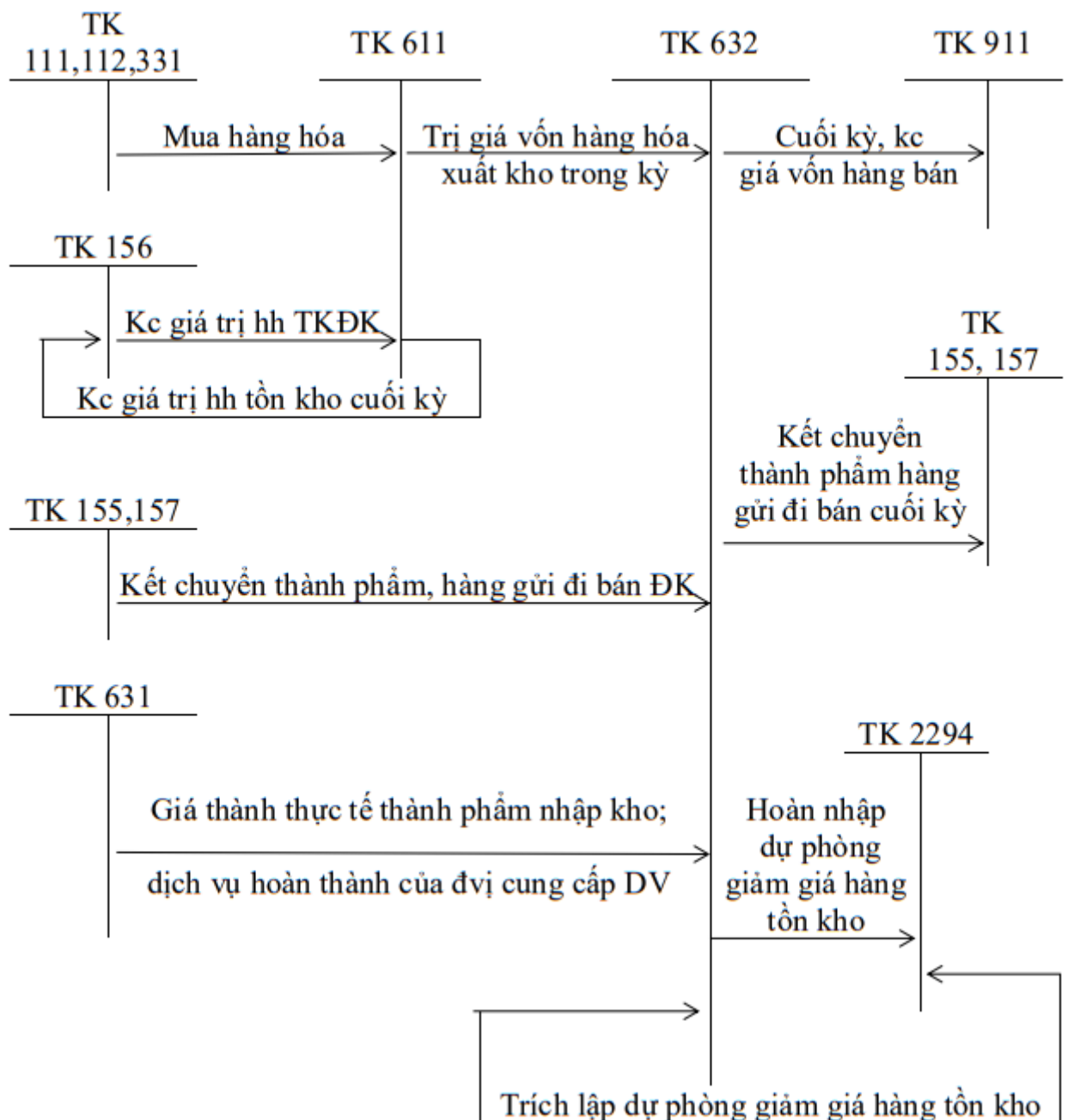
### ***1.2.3.3. Phương pháp hạch toán giá vốn hàng hóa.***

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ được khá quát bằng sơ đồ 1.2 và 1.3 dưới đây:



**Sơ đồ 1.2. Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên)**





*Sơ đồ 1.3 Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)*

## 1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

### 1.2.4.1. Chứng từ sử dụng kế toán chi phí quản lý kinh doanh

- Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ, phiếu kế toán.
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Các chứng từ khác có liên quan.

---

#### **1.2.4.2. Tài khoản sử dụng kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

TK 642 có 2 tài khoản cấp 2:

➤ TK 6421: Chi phí bán hàng TK này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm. TK 6421 có kết cấu:

- Bên Nợ: - Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

- Bên Có: - Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ.

- Kết chuyển chi phí hàng bán vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- TK 6421 không có số dư cuối kỳ.

➤ TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán. Tài khoản 6422 có kết cấu:

- Bên Nợ: - Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ, số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, dự phòng trợ cấp việc làm.

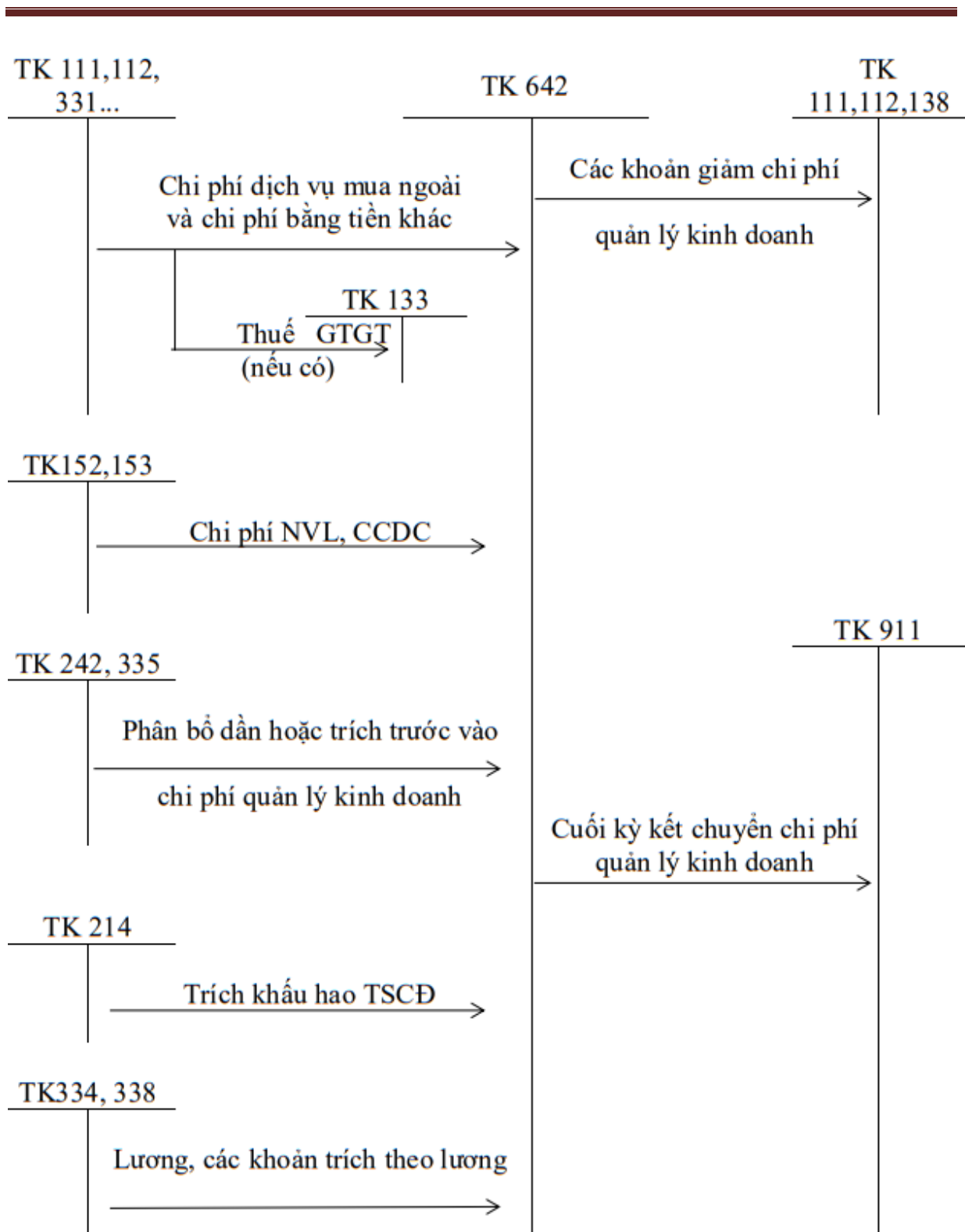
- Bên Có: - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- TK 6422 không có số dư cuối kỳ.

#### **1.2.4.3. Phương pháp hạch toán kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được hạch toán bằng sơ đồ 1.4.



**Sơ đồ 1.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

## **1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính**

### **1.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

a) Chứng từ sử dụng kế toán doanh thu hoạt động tài chính

- 
- Phiếu chi.
  - Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng.
  - Phiếu kế toán.
  - Các chứng từ khác có liên quan.

b) Tài khoản sử dụng kế toán doanh thu hoạt động tài chính

➤ TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Bên Nợ phản ánh: - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Bên Có phản ánh: - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.

- Tiền lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.

- Chiết khấu thanh toán được hưởng.

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.

- Lãi tỷ giá đối hoái phát sinh khi bán ngoại tệ.

- Lãi tỷ giá hối đoái khi đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.

- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

- TK 515 không có số dư cuối kỳ.

### ***1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính***

a) Chứng từ sử dụng kế toán chi phí hoạt động tài chính

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

b) Tài khoản sử dụng kế toán chi phí hoạt động tài chính

➤ TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

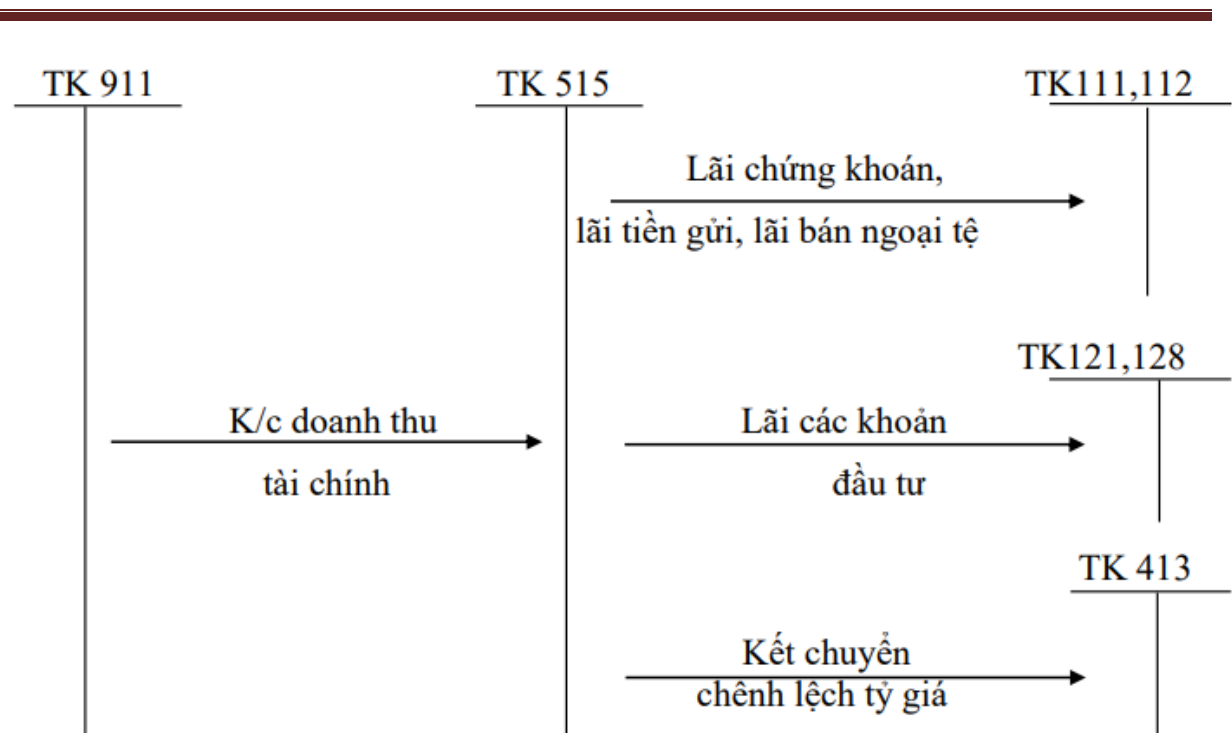
---

Dùng để phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính.

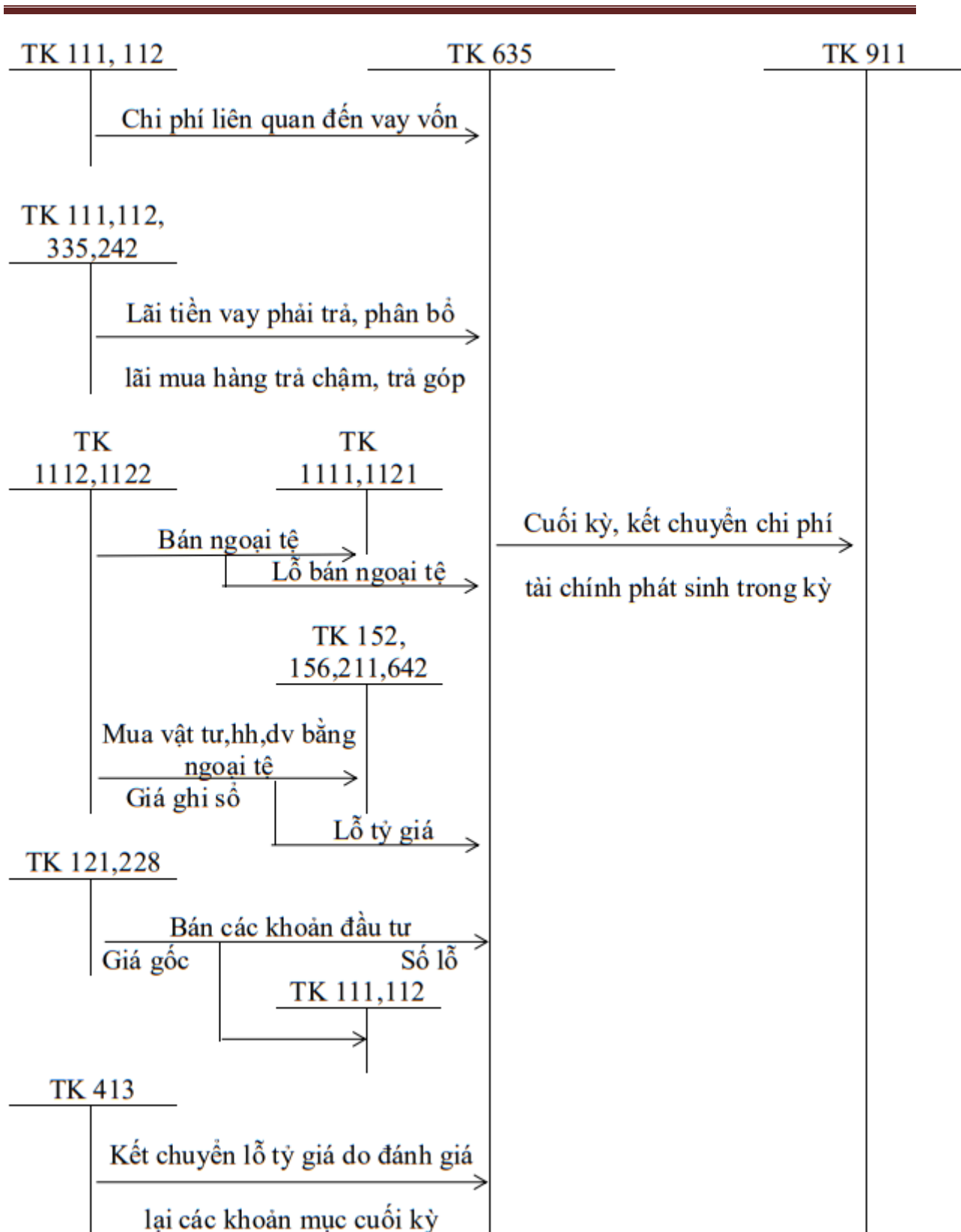
- Bên Nợ phản ánh:
  - Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính.
  - Lỗ bán ngoại tệ.
  - Chiết khấu thanh toán cho khách hàng.
  - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
  - Lỗ tỷ giá hối đoái do phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
  - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
  - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
  - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
  - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
- Bên Có phản ánh:
  - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
  - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.
    - TK 635 không có số dư cuối kỳ.

### ***1.2.5.3. Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính***

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được khái quát bằng sơ đồ 1.5 và sơ đồ 1.6.



**Sơ đồ 1.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**



**Sơ đồ 1.6. Kế toán chi phí hoạt động tài chính**

---

## 1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

### 1.2.6.1. Kế toán thu nhập khác

#### a) Chứng từ sử dụng kế toán thu nhập khác

- Phiếu thu.
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định.
- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### b) Tài khoản sử dụng trong kế toán thu nhập khác

- TK 711: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

- Bên Nợ phản ánh:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Bên Có phản ánh:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

- TK 711 không có số dư cuối kỳ

### 1.2.6.2. Kế toán chi phí khác

#### a) Chứng từ sử dụng kế toán chi phí khác

- Phiếu chi.
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định.
- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### b) Tài khoản sử dụng kế toán chi phí khác

- TK 811: Chi phí khác

Tài khoản 811 dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh trong kỳ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

- Bên Nợ phản ánh:



- Các khoản chi phí khác phát sinh.

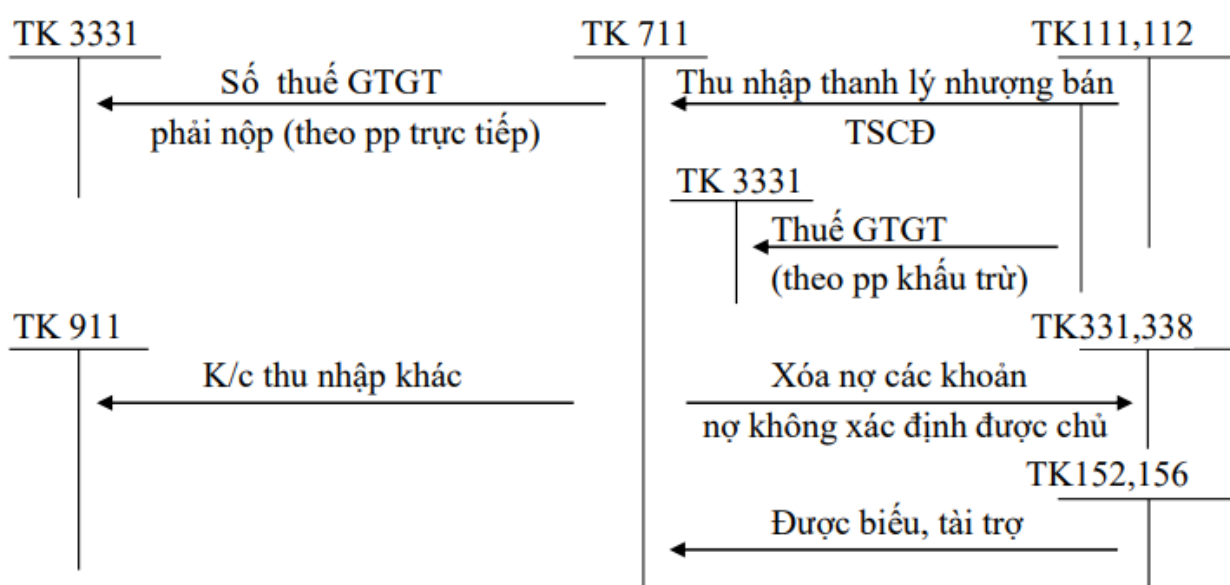
- Bên Có phản ánh:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

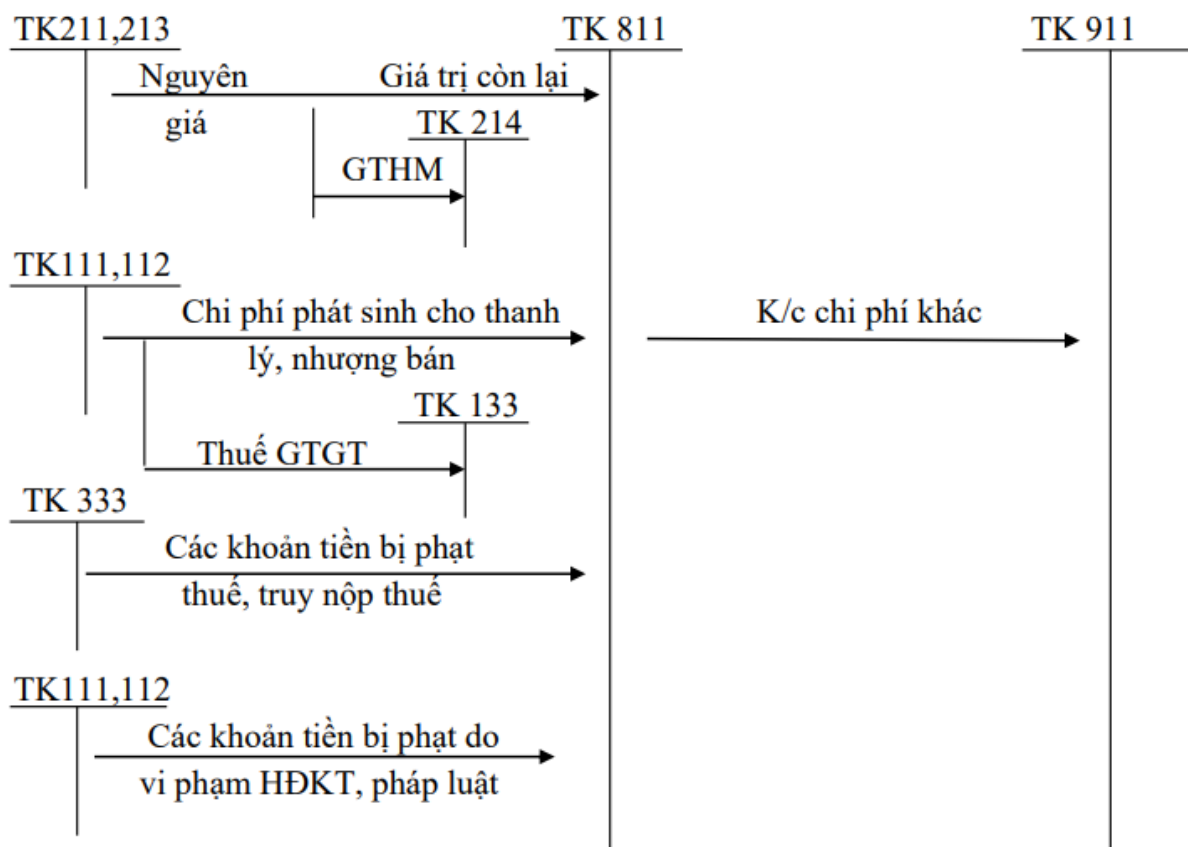
- TK 811 không có số dư cuối kỳ.

### 1.2.6.3. Phương pháp hạch toán trong kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát bằng sơ đồ 1.7 và sơ đồ 1.8 dưới đây:



Sơ đồ 1.7. Kế toán thu nhập khác



*Sơ đồ 1.8. Kế toán chi phí khác*

## 1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

### 1.2.7.1. Chứng từ sử dụng trong kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Phiếu kế toán.

### 1.2.7.2. Tài khoản sử dụng trong kế toán xác định kết quả kinh doanh

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Tài khoản 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối

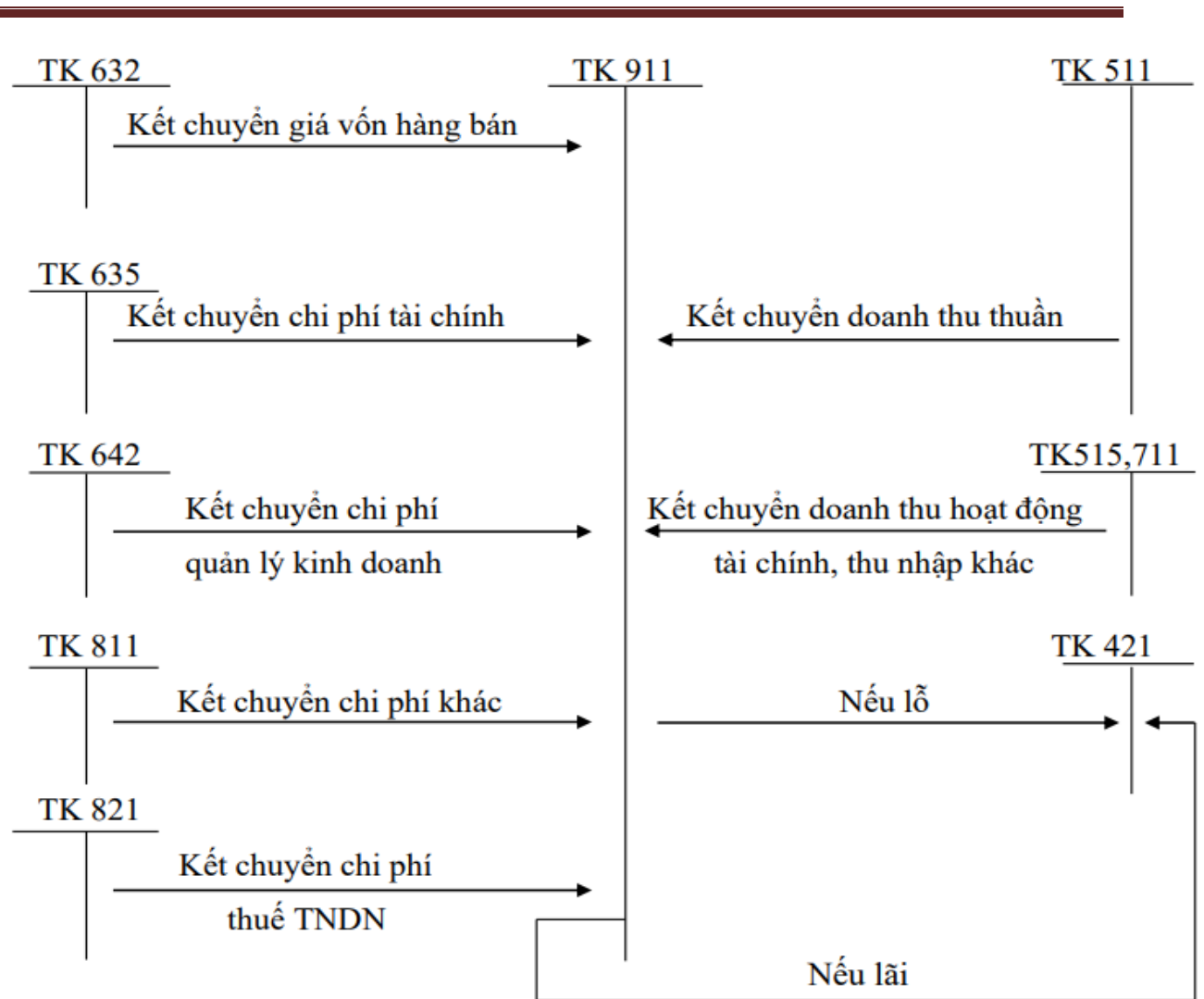
---

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

- Bên Nợ phản ánh:
  - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
  - Trích lập các quỹ của doanh nghiệp
  - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, cho các bên tham gia liên doanh.
  - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
  - Nộp lợi nhuận lên cấp trên.
- Bên Có phản ánh:
  - Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
  - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.
  - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
    - Số dư bên Nợ là số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý được.
    - Số dư bên Có là số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

### ***1.2.7.3. Phương pháp hạch toán trong kế toán xác định kết quả kinh doanh***

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ 1.9.



**Sơ đồ 1.9. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

### 1.2.8. Các hình thức ghi sổ trong doanh nghiệp

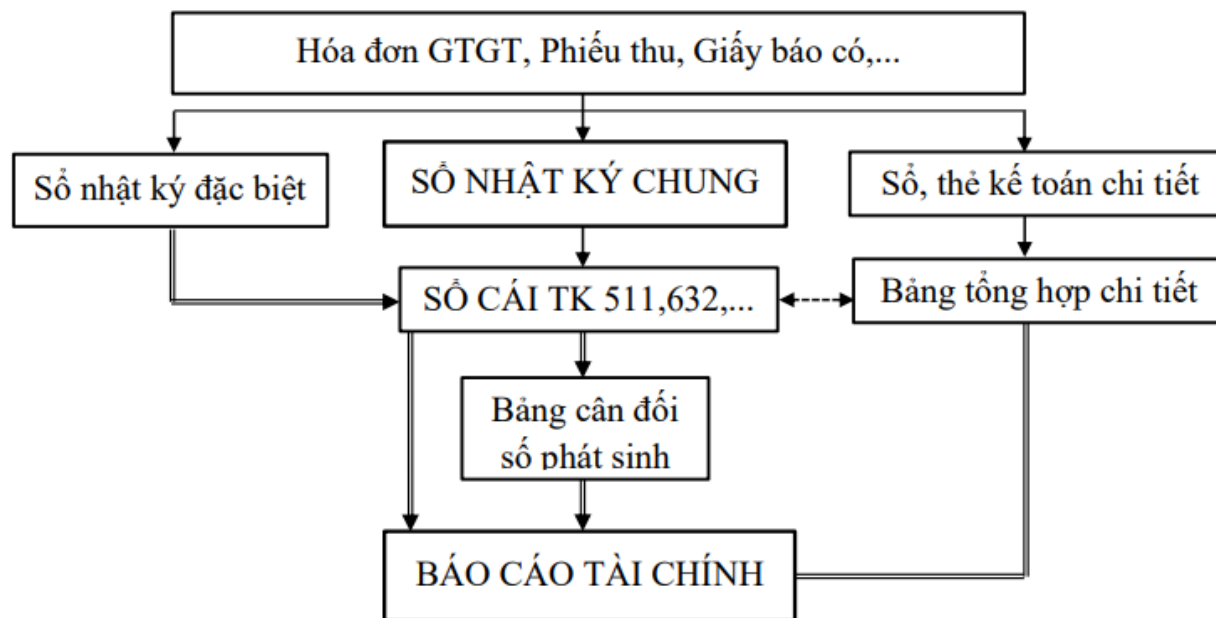
Các hình thức ghi sổ kế toán gồm 4 hình thức sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

#### 1.2.8.1. Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức Nhật ký chung

Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.



**Ghi chú:**

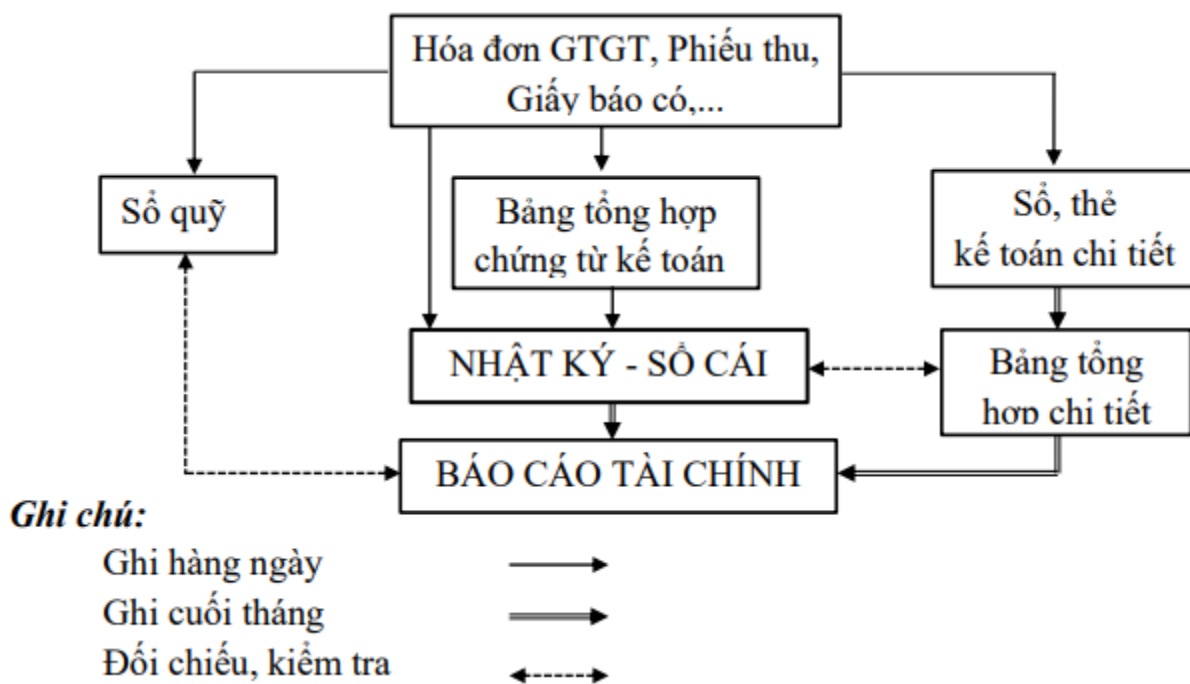
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Ghi hệ đối chiếu, kiểm tra ⇔

**Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung**

**1.2.8.2. Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức Nhật ký - Sổ cái**

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký - Sổ cái.

Cuối tháng, căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng (trong quý) kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ cái (Sơ đồ 1.11).

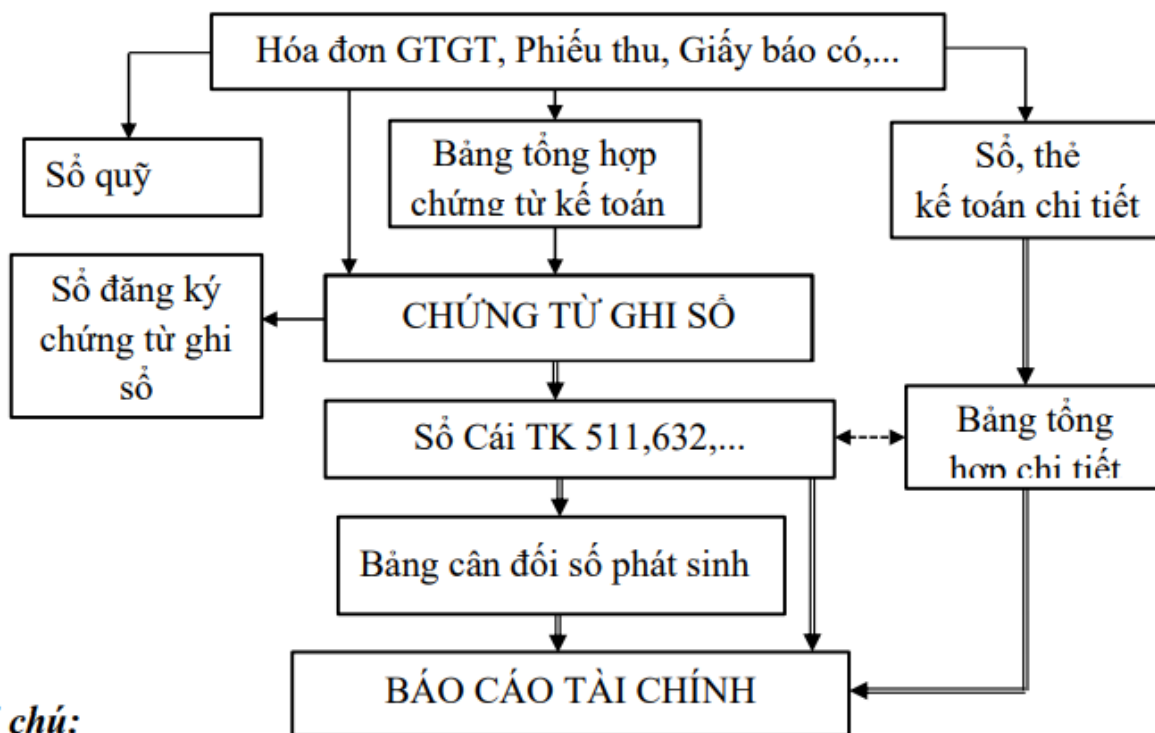


**Sơ đồ 1.11. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái**

### 1.2.8.3. Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái.

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh (Sơ đồ 1.12)



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

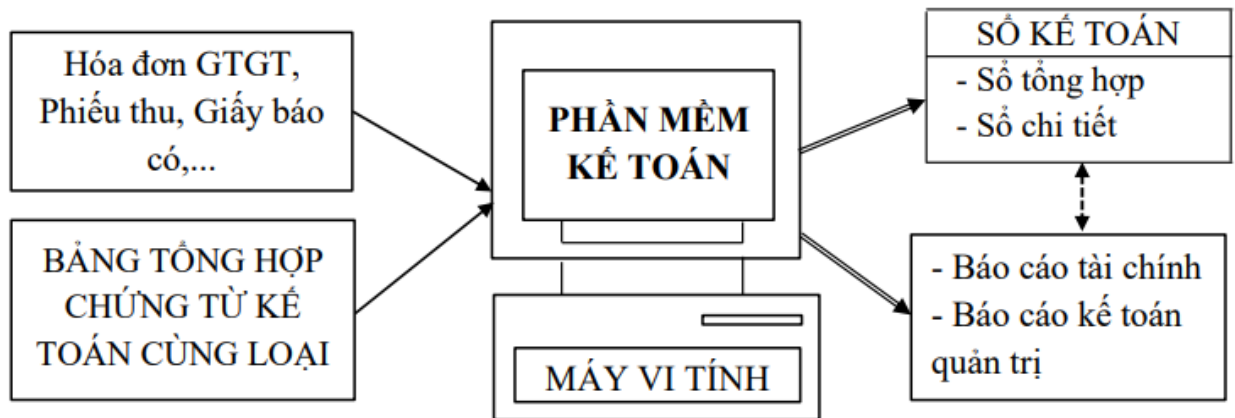
Đối chiếu, kiểm tra -.->

**Sơ đồ 1.12. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ**

**1.2.8.4. Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức kế toán trên máy vi tính**

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay (Sơ đồ 1.13)



**Ghi chú:**

Nhập số liệu hàng ngày →

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ⇨

Đối chiếu, kiểm tra ⇄

*Sơ đồ 1.13. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính*

## CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BẢO PHÚC.

### 2.1 Tổng quan về công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc .

#### 2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc

Công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc được thành lập theo giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200578214 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 22 tháng 03 năm 2004. Công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.



Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BẢO PHÚC.

Trụ sở chính: Km7 + 700 Đường Hà Nội, Quận Hồng Bàng ,Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Địa điểm kinh doanh: Số 564 đường Nguyễn Văn Linh, phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Mã số thuế: 0200578214

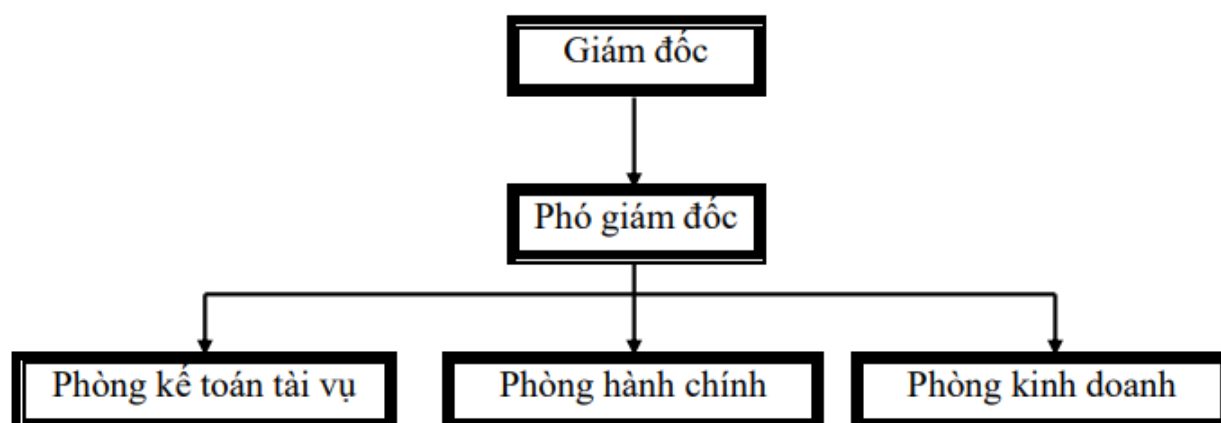
Điện thoại: 0225.3.798779

Người đại diện pháp luật: Giám đốc Lê Đức Anh

Lĩnh vực kinh doanh:

| STT | Tên ngành  | Mã ngành |
|-----|--|----------|
| 1   | Buôn bán đồ dùng khác trong gia đình                       | 4649     |
| 2   | Sản xuất sản phẩm từ plastic                               | 2220     |
| 3   | 3 Xây dựng nhà các loại                                    | 41000    |
| 4   | 4 Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                | 4210     |
| 5   | 5 Xây dựng công trình công ích                             | 42200    |
| 6   | 6 Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác               | 42900    |
| 7   | 7 Lắp đặt hệ thống điện                                    | 43210    |
| 8   | 8 Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                           | 43290    |
| 9   | 9 Hoàn thiện công trình xây dựng                           | 43300    |
| 10  | 10 Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663     |

### 2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc.



*Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc.*

- Giám đốc : là người điều hành cao nhất mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và cũng là người chịu trách nhiệm cao nhất trước pháp luật về toàn thể lao động, về kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình hoạt động của Công ty. Tất cả các phòng ban, chi nhánh, đại diện đều thuộc quản lý của Giám đốc.

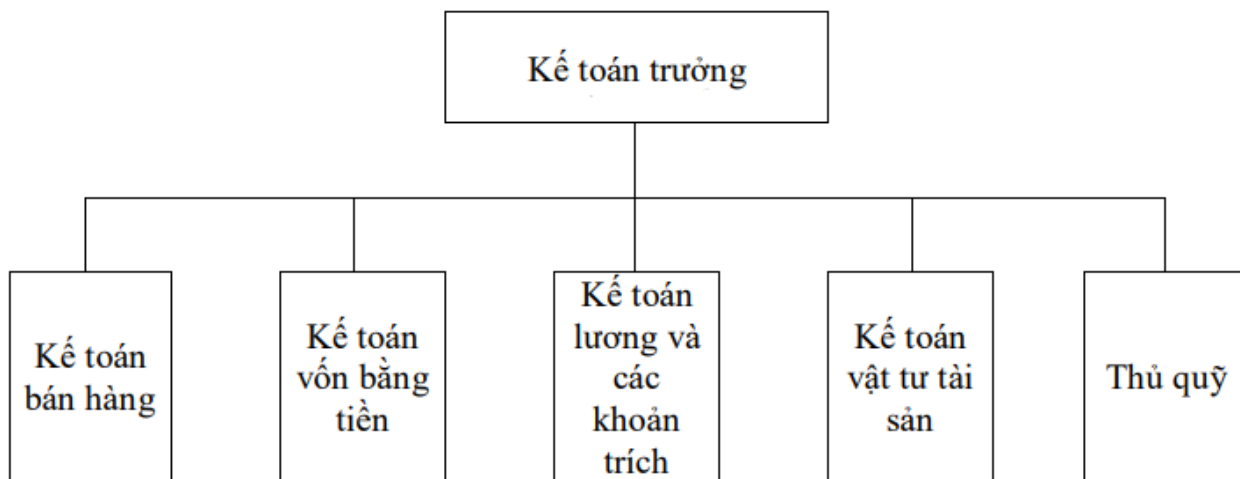
- Phó giám đốc : là người quản lý chung dưới quyền Giám đốc, có nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc, thay giám đốc quản lý một số phòng ban, bộ phận như phòng kế toán tài vụ, đội xe, các chi nhánh, đại diện của Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi được giao, tình hình tài chính của Công ty.

- Phòng kế toán - tài vụ : Có chức năng quản trị tài chính - kế toán, hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành, đồng thời có nhiệm vụ điều hành lưu chuyển vốn và tham mưu cho Giám đốc về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của các phương án đầu tư. Đồng thời chịu trách nhiệm hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh toàn Công ty, cũng như lập báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị hàng năm.

- Phòng hành chính : Là phòng tham mưu cho lãnh đạo công ty và tổ chức triển khai thực hiện các công tác về tổ chức hoạt động, nhân sự, hành chính và thực hiện chính sách đối với người lao động. - Phòng kinh doanh: Là phòng tham mưu tổng hợp giúp lãnh đạo công ty trong công tác lập kế hoạch, đôn đốc thực hiện kế hoạch kinh doanh toàn công ty; đề xuất các phương án kinh doanh.

### 2.1.3 Đặc điểm mô hình tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc.

a. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc.



**Sơ đồ 2.2 : Bộ máy kế toán tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc.**

- 
- Kế toán trưởng : Là người được bổ nhiệm đứng đầu phòng kế toán – tài chính chịu trách nhiệm trước giám đốc và công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp. Ngoài ra cuối tháng dựa trên số liệu kế toán viên cung cấp lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu ra, đầu vào của công ty.

Nhiệm vụ:

- Điều hành mọi việc của phòng kế toán tài chính.
- Cuối năm lập và phân tích báo cáo tài chính.
- Trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ, báo cáo trước khi trình giám đốc.
- Phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán.
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán tại đơn vị. Tư vấn cho giám đốc các biện pháp tiết kiệm chi phí và thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước.

- Kế toán bán hàng

Nhiệm vụ : Theo dõi chi phí, tình hình tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh. Ghi chép phản ánh kịp thời các thông tin giao nhận hàng hóa hàng ngày. Kiểm tra số lượng, đơn giá của từng sản phẩm, đốc thúc công nợ và quản lý tiền hàng. Quản lý hợp đồng giao dịch với khách hàng, cập nhập giá và sản phẩm mới. Đối chiếu với kế toán vật tư tài sản về số lượng xuất, nhập, tồn vào cuối ngày.

- Kế toán vốn bằng tiền

Nhiệm vụ : Ghi chép các khoản thu chi tiền mặt, tiền gửi, các khoản vay và trả nợ. Theo dõi tình hình biến động về vốn của doanh nghiệp. Cuối tháng cùng kế toán trưởng kiểm kê tiền mặt tại quỹ.

- Kế toán lương và các khoản trích theo lương :

Nhiệm vụ: Theo dõi tình hình biến động của nhân viên trong công ty. Hàng ngày chấm công cho công nhân viên. Hàng tháng lập bảng lương và bảng phân bổ lương. Thực hiện các khoản trích theo lương theo chế độ hiện hành.

- Kế toán vật tư tài sản

---

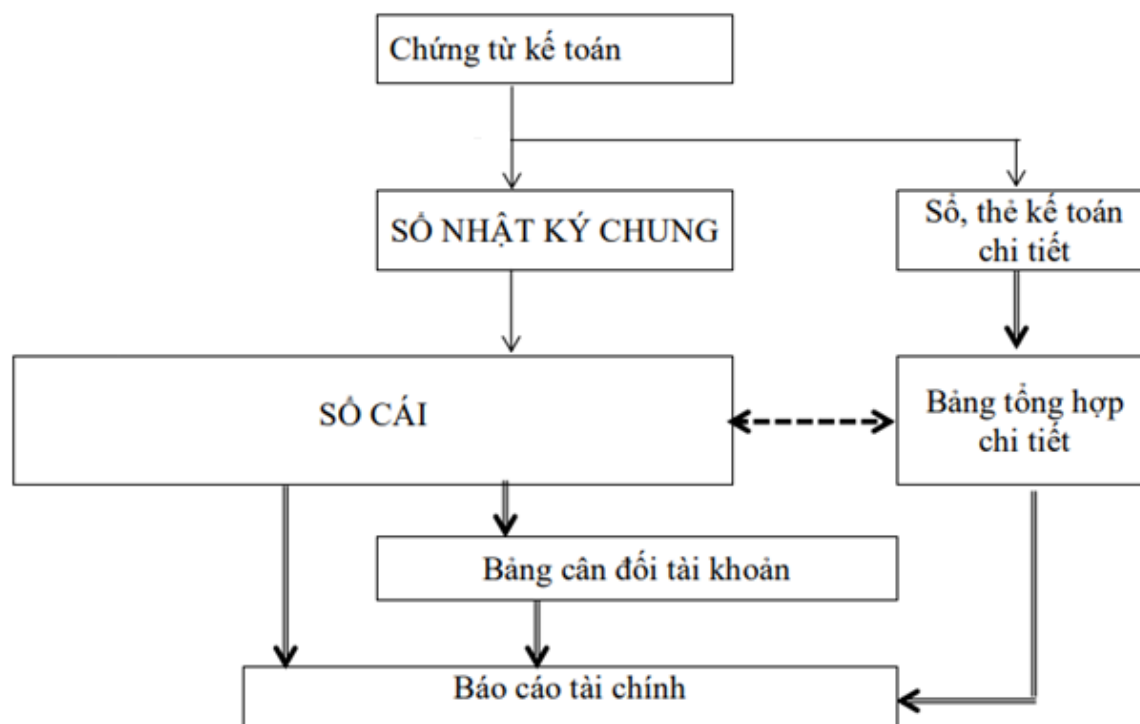
Nhiệm vụ : Theo dõi tình hình biến động vật tư tài sản, tính giá trị thực tế của vật tư tài sản. - Kiểm kê và theo dõi hàng tồn kho. Quản lý và theo dõi tình hình tài sản cố định của doanh nghiệp.

- Thủ quỹ

Nhiệm vụ: Quản lý toàn bộ tiền mặt trong két sắt. Kiểm tra, phân loại, sắp xếp tiền mặt. Kiểm tra, lưu trữ chứng từ thu chi tiền mặt. Tự động thực hiện kiểm kê đối chiếu quỹ hàng ngày. Thực hiện các công việc khác do kế toán trưởng và giám đốc giao cho.

b. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty

- Kỳ kế toán: bắt đầu từ 01/01/N và kết thúc ngày 31/12/N dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VNĐ).
- Trước 01/01/2017 Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC. Từ 01/01/2017 Công ty áp dụng Thông tư 133/2016/TT-BTC.
- Phương pháp tính thuế GTGT : Phương pháp khấu trừ .
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Nhập trước xuất trước(FIFO).
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Kê khai thường xuyên
- Phương pháp khấu hao TSCĐ : Phương pháp đường thẳng.
- Hình thức kế toán áp dụng : Nhật ký chung.



Ghi chú: Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ:  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:  $\longleftarrow \text{---} \longrightarrow$

### Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

- Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu:

- + Sổ nhật ký chung;
- + Sổ cái;
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký Chung:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ

---

Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối tài khoản. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối tài khoản phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

## **2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc.**

### **2.2.1 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc.**

#### ***2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc.***

a. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu tiền.
- Giấy báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan.

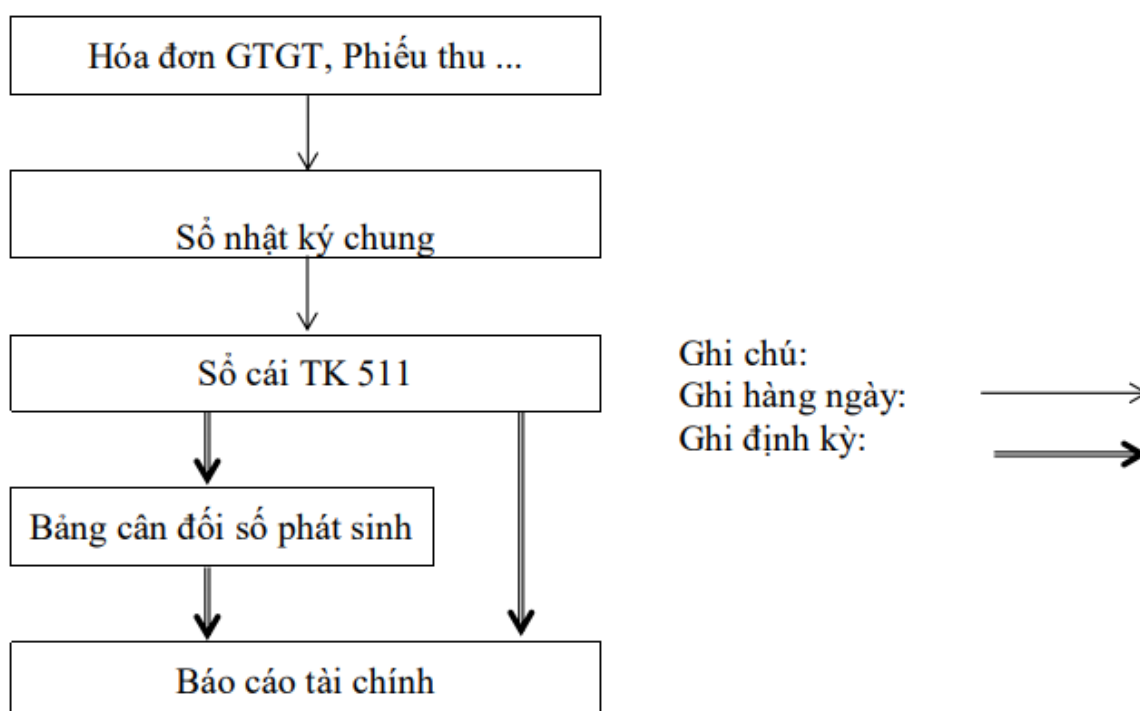
b. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

c. Sổ sách kế toán:

- Sổ nhật ký chung;
- Sổ cái tài khoản.

d. Phương pháp hạch toán:



**Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc.**

*Ví dụ 01:* Ngày 04/10/2019 Xuất kho 116.83m<sup>2</sup> Tôn mạ màu bán cho công ty CP xây dựng và dịch vụ Đại Thắng, khách hàng đã thanh toán (giá chưa thuế VAT 10% là 71.818). Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0000477 (Biểu 01) kế toán định khoản, phiếu thu 212 (Biểu 02) và Nhật ký chung (Biểu 04) theo bút toán:

Nợ TK 111 : 9.229.547

Có TK 511 : 8.390.497

Có TK 3331: 839.050

**Biểu 01: Hóa đơn GTGT 0000477**

| HÓA ĐƠN   |                       | Mẫu số : 01GTKT3/001                         |          |   |                          |
|---|-----------------------|--|----------|---|--------------------------|
| GIÁ TRỊ TĂNG  |                       | Ký hiệu : AA/19P                             |          |   |                          |
| Liên 3 : Nội bộ   |                       | Số : 0000477                                 |          |   |                          |
| Ngày 04 tháng 10 năm 2019   |                       |  |          |   |                          |
| Đơn vị bán hàng : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BẢO PHÚC                                      |                       |  |          |   |                          |
| Mã số thuế : 0200578214   |                       |  |          |   |                          |
| Địa chỉ : Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng                      |                       |  |          |   |                          |
| Số điện thoại : 0225.3.788779   |                       |  |          |   |                          |
| Số tài khoản : 102010000209168      Tại : Ngân hàng Công thương Lê Chân – Hải Phòng         |                       |  |          |   |                          |
| Họ tên người mua hàng :   |                       |  |          |   |                          |
| Tên đơn vị : Công ty CP xây dựng và dịch vụ Đại Thắng                                       |                       |  |          |   |                          |
| Mã số thuế : 0200867939   |                       |  |          |   |                          |
| Địa chỉ : Tổ 4 khu An Trì, Hùng Vương , Hồng Bàng, Hải Phòng                                |                       |  |          |   |                          |
| Hình thức thanh toán : TM   |                       |  |          |   |                          |
| STT   | Tên hàng hóa, dịch vụ | ĐVT  | Số lượng | Đơn giá   | Thành tiền               |
| A   | B                     | C  | (1)      | (2)   | (3)                      |
| 01  | Tôn mạ màu            | m <sup>2</sup>                               | 116.83   | 71.818  | 8.390.497                |
| Cộng tiền hàng :  |                       |  |          |   | 8.390.497                |
| Thuế suất GTGT/VAT : 10%  |                       |  |          |   | Tiền thuế GTGT : 839.050 |
| Tổng cộng tiền thanh toán :   |                       |  |          |   | 9.229.547                |
| Số tiền viết bằng chữ : Chín triệu hai trăm hai mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng. |                       |  |          |   |                          |
| <b>Người mua hàng</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên)  |                       | <b>Người bán hàng</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên) |          | <b>Thủ trưởng đơn vị</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên) |                          |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)  |                       |  |          |   |                          |



## Biểu 02 : Phiếu thu

Mẫu số 01 – TT

Công ty TNHH Bảo Phúc  
Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương,  
Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT  
– BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

Số : 212

Nợ : 111

Có : 511

Có : 3331

### PHIẾU THU

Ngày 10 tháng 10 năm 2019

Họ và tên người nộp tiền : Đồng Đức Thành

Địa chỉ : Công ty CP xây dựng và dịch vụ Đại Thắng

Lý do nộp : Thanh toán tiền mua tôn mạ màu

Số tiền : 9.229.547

(Viết bằng chữ): Chín triệu hai trăm hai mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng.

Kèm theo : 01 chứng từ gốc

Ngày 04 tháng 10 năm 2019

|                                 |   |                                       |  |                                |
|---------------------------------|---|---------------------------------------|--|--------------------------------|
| <b>Giám đốc</b><br>(Ký, họ tên) | <b>Kế toán</b><br><b>trưởng</b><br>(Ký, họ tên) | <b>Người nộp tiền</b><br>(Ký, họ tên) | <b>Người lập</b><br><b>phiếu</b><br>(Ký, họ tên) | <b>Thủ quỹ</b><br>(Ký, họ tên) |
|---------------------------------|---|---------------------------------------|--|--------------------------------|

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) : Chín triệu hai trăm hai mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....

+ Số tiền quy đổi: .....

Ví dụ 02: Ngày 06/10/2019 Công ty chế tạo, lắp đặt 1 bộ vận thang máy nâng hàng tại công ty CP Xây Dựng và Đầu Tư Hạ Tầng (Biểu 03) theo hóa đơn GTGT 0000479 khách hàng chưa thanh toán kế toán định khoản và ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 04), theo bút toán:

Nợ TK 131 : 137.500.000

Có TK 511 : 125.000.000

Có TK 3331: 12.500.000

**Biểu 03: Hóa đơn GTGT 0000479**

| <b>HÓA ĐƠN</b>  |   | Mẫu số : 01GTKT3/001                         |          |   |                             |             |
|---|---|--|----------|---|-----------------------------|-------------|
| <b>GIÁ TRỊ TĂNG</b>   |   | Ký hiệu : AA/19P                             |          |   |                             |             |
| Liên 3 : Nội bộ   |   | Số : 0000479                                 |          |   |                             |             |
| Ngày 06 tháng 10 năm 2019   |   |  |          |   |                             |             |
| Đơn vị bán hàng : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BẢO PHÚC                            |   |  |          |   |                             |             |
| Mã số thuế : 0200578214   |   |  |          |   |                             |             |
| Địa chỉ : Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng            |   |  |          |   |                             |             |
| Số điện thoại : 0225.3.788779   |   |  |          |   |                             |             |
| Số tài khoản : 102010000209168    Tại : Ngân hàng Công thương Lê Chân – Hải Phòng |   |  |          |   |                             |             |
| Họ tên người mua hàng :   |   |  |          |   |                             |             |
| Tên đơn vị : Công ty CP xây dựng và đầu tư Hạ Tầng                                |   |  |          |   |                             |             |
| Mã số thuế : 020057375  |   |  |          |   |                             |             |
| Địa chỉ : Số 274 đường Đà Nẵng, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng                      |   |  |          |   |                             |             |
| Hình thức thanh toán : CK                      Số tài khoản : 10201 0000 33539    |   |  |          |   |                             |             |
| Tại : Ngân hàng TMCP Công thương Lê Chân – Hải Phòng                              |   |  |          |   |                             |             |
| STT   | Tên hàng hóa, dịch vụ                       | ĐVT  | Số lượng | Đơn giá   | Thành tiền                  |             |
| A   | B   | C  | (1)      | (2)   | (3)                         |             |
| 01  | Chế tạo, lắp đặt vận<br>thang máy nâng hàng | Bộ   | 01       | 125.000.000                                     | 125.000.000                 |             |
| Cộng tiền hàng :  |   |  |          |   | 125.000.000                 |             |
| Thuế suất GTGT/VAT : 10%  |   |  |          |   | Tiền thuế GTGT :            | 12.500.000  |
|   |   |  |          |   | Tổng cộng tiền thanh toán : | 137.500.000 |
| Số tiền viết bằng chữ : Một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng.           |   |  |          |   |                             |             |
| <b>Người mua hàng</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên)                                      |   | <b>Người bán hàng</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên) |          | <b>Thủ trưởng đơn vị</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên) |                             |             |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)                              |   |  |          |   |                             |             |

**Biểu 04: Trích sổ nhật ký chung**

Công ty TNHH Bảo Phúc  
 Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng  
 Vương, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**Mẫu số S03a – DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT  
 – BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2019

Đơn vị tính : VNĐ

| Chứng từ              |              | Diễn giải                                | SH<br>TK    | Số phát sinh           |                        |
|-----------------------|--------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| SH                    | NT           |  |             | Nợ                     | Có                     |
| .....                 | ...          | .....                                    | ...         |                        |                        |
| P XK 477              | 04/10        | Xuất kho bán tôn<br>mạ màu               | 632         | 7.341.948              |                        |
|                       |              |  | 156         |                        | 7.341.948              |
| <b>HĐ<br/>0000477</b> | <b>04/10</b> | <b>Bán tôn mạ màu<br/>cho Đại Thắng</b>  | <b>111</b>  | <b>9.229.547</b>       |                        |
|                       |              |  | <b>511</b>  |                        | <b>8.390.497</b>       |
|                       |              |  | <b>3331</b> |                        | <b>839.050</b>         |
| .....                 | .....        | .....                                    | .....       |                        |                        |
| <b>HĐ<br/>0000479</b> | <b>06/10</b> | <b>Lắp đặt thang máy<br/>cho Hạ Tầng</b> | <b>131</b>  | <b>137.500.000</b>     |                        |
|                       |              |  | <b>511</b>  |                        | <b>125.000.000</b>     |
|                       |              |  | <b>3331</b> |                        | <b>12.500.000</b>      |
| .....                 | .....        | .....                                    | .....       |                        |                        |
| PC 386                | 21/10        | Mua văn phòng<br>phẩm                    | 6422        | 1.210.000              |                        |
|                       |              |  | 133         | 121.000                |                        |
|                       |              |  | 1111        |                        | 1.331.000              |
| .....                 | .....        | .....                                    | .....       |                        |                        |
|                       |              | <b>TỔNG</b>                              |             | <b>213.424.271.217</b> | <b>213.424.271.217</b> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Kế toán ghi sổ**  
 ( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 ( Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 ( Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 04) kê toán ghi vào sổ cái TK 511 (Biểu 05):

**Biểu 05: Trích sổ cái tài khoản 511**

Công ty TNHH Bảo Phúc

**Mẫu số S03b – DNN**

Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương,  
 Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT  
 – BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

## SỔ CÁI

Tài khoản 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  
 Năm 2019

Đơn vị tính : VNĐ

| Chứng từ          |              | Diễn Giải                                | TK<br>ĐƯ   | Số tiền               |                       |
|-------------------|--------------|--|------------|-----------------------|-----------------------|
| SH                | NT           |  |            | Nợ                    | Có                    |
|                   |              | <b><u>Số dư đầu năm</u></b>              |            |                       |                       |
| .....             | .....        | .....                                    | .....      |                       |                       |
| <b>HD 0000477</b> | <b>04/10</b> | <b>Bán tôn mạ màu<br/>cho Đại Thắng</b>  | <b>111</b> |                       | <b>8.390.497</b>      |
| <b>PT 212</b>     |              |  |            |                       |                       |
| <b>HD 0000479</b> | <b>06/10</b> | <b>Lắp đặt thang máy<br/>cho Hạ Tầng</b> | <b>131</b> |                       | <b>125.000.000</b>    |
| .....             | .....        | .....                                    | .....      |                       |                       |
| HD 0000482        | 17/10        | Bán tôn lạnh cho<br>Xuân Hồi             | 112        |                       | 371.552.500           |
| GBC               |              |  |            |                       |                       |
| HD 0000485        | 21/10        | Lắp đặt cửa cho chi<br>Vy                | 111        |                       | 10.312.500            |
| PT012/02          |              |  |            |                       |                       |
| .....             | .....        | .....                                    | .....      |                       |                       |
| PKT31             | 31/12        | Kết chuyển DTBH                          | 911        | 41.465.056.165        |                       |
|                   |              | <b>Cộng số phát sinh</b>                 |            | <b>41.465.056.165</b> | <b>41.465.056.165</b> |
|                   |              | <b><u>Số dư cuối năm</u></b>             |            |                       |                       |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Kế toán ghi sổ**  
 ( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 ( Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 ( Ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc.

a. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho;
- Các chứng từ khác có liên quan.

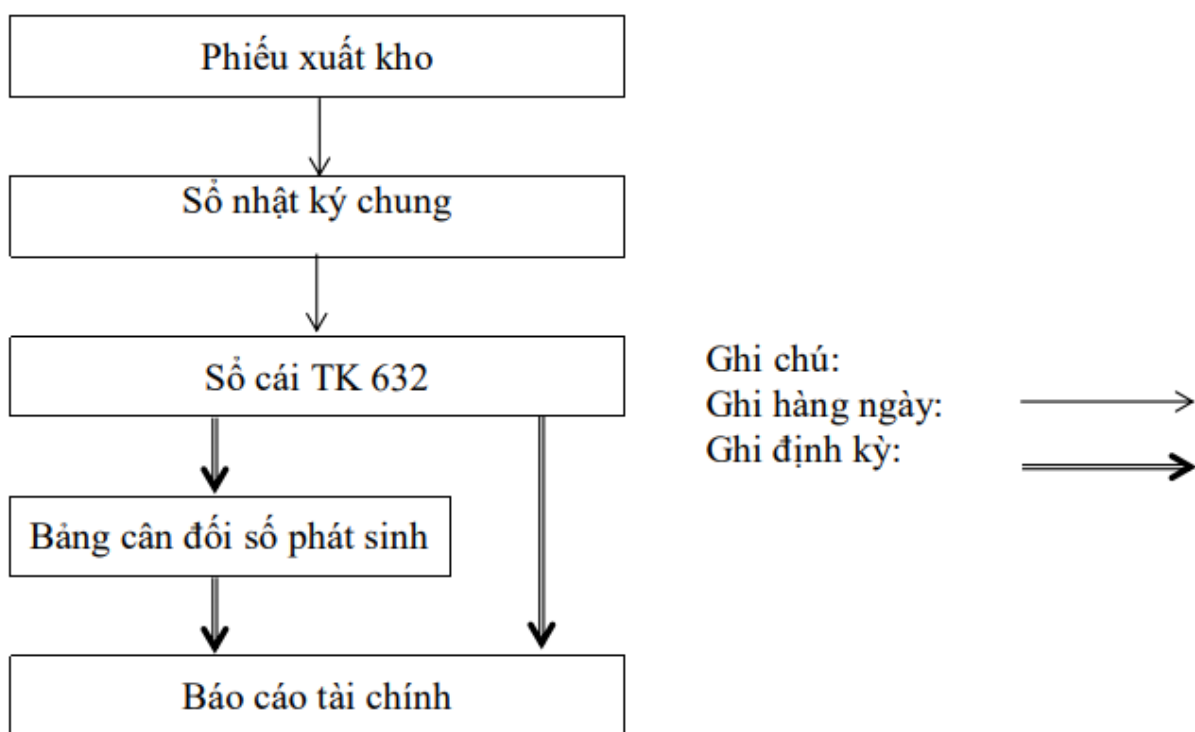
b. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

c. Sổ sách kế toán:

- Sổ nhật ký chung;
- Sổ cái TK 632.

d. Phương pháp hạch toán:



#### Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc.

Ví dụ 01(tiếp): 04/10/2019 Xuất kho 116.83 m<sup>2</sup> Tôn mạ màu bán cho Đại Thắng, khách hàng đã chưa thanh toán (giá chưa VAT 71.818/m<sup>2</sup>).

Hàng tồn kho đầu tháng 9: 942 m<sup>2</sup> x 62.834đ = 59.189.628 đ

Ngày 01/10 nhập: 3500 m<sup>2</sup> x 62.240đ = 217.840.000 đ

---

Kế toán xác định đơn giá xuất kho theo phương pháp Nhập trước xuất trước (FIFO):

$$\begin{aligned} \text{Trị giá xuất kho } 116.83 \text{ m}^2 \text{ tôn mạ màu} &= 116.83 \times 62.834 \\ \text{bán cho Đại Thăng ngày 04/10} &= 7.341.948 \end{aligned}$$

Kế toán ghi đơn giá vào phiếu xuất kho 362. Căn cứ vào phiếu xuất kho 362 (Biểu 06) kế toán định khoản và ghi sổ Nhật ký chung (Biểu 09):

Nợ TK 632 : 7.341.948

Có TK 156 : 7.341.948

### **Biểu 06: Phiếu xuất kho 362**

Công ty TNHH Bảo Phúc  
Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương, Hồng  
Bàng, TP.Hải Phòng

**Mẫu số 02 – VT**  
(Ban hành theo Thông tư số  
133/2016/TT – BTC  
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

## **PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 04 tháng 10 năm 2019

Số : 362

Nợ TK 632

Có TK 156

Họ tên người nhận hàng : Công ty CP xây dựng và dịch vụ Đại Thăng

---

Địa chỉ : : Tổ 4 khu An Trì, Hùng Vương , Hùng Bàng, Hải Phòng

Lý do xuất kho : Bán hàng

Xuất kho tại : Bảo Phúc – Km7 + 700 Đường Hà Nội, TP.Hải Phòng

| STT | Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa | ĐVT            | Số lượng      |           | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--|----------------|---------------|-----------|---------|------------|
|     |  |                | Theo chứng từ | Thực xuất |         |            |
| A   | B  | C              | 1             | 2         | 3       | 4          |
| 1   | Tôn mạ màu   | m <sup>2</sup> | 116.83        | 116.83    | 62.834  | 7.341.948  |
|     |  |                |               |           |         |            |
|     | Cộng   |                |               | 116.83    | 62.834  | 7.341.948  |

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bảy triệu ba trăm bốn mươi một nghìn chín trăm bốn tám đồng.

-Số chứng từ gốc kèm theo :.....

Ngày 04 tháng 10 năm 2019

**Người lập  
phiếu**  
( Ký, họ tên)

**Người nhận  
hàng**  
( Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Hoặc bộ phận có nhu  
cầu tiếp nhận)  
( Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
( Ký, họ tên)

**Biểu 07: Trích sổ chi tiết vật liệu dụng cụ**

Công ty TNHH Bảo Phúc

Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương, Hồng Bàng, TP.Hải  
Phòng**Mẫu số S06 – DNN**(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC  
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

Năm 2019

Tài khoản: 156

Tên, quy cách vật tư, hàng hóa: Tôn mạ màu

Đơn vị tính: m<sup>2</sup>

| Chứng từ      |              | Diễn giải       | TK ĐƯ      | Đơn giá       | Nhập           |                      | Xuất           |                      | Tồn           |                    |
|---------------|--------------|-----------------|------------|---------------|----------------|----------------------|----------------|----------------------|---------------|--------------------|
| SH            | NT           |                 |            |               | SL             | Thành tiền           | SL             | Thành tiền           | SL            | Thành tiền         |
|               |              | <b>SDDK</b>     |            | <b>60.543</b> |                |                      |                |                      | <b>5462</b>   | <b>330.685.866</b> |
| .....         | .....        | .....           | .....      | .....         |                | .....                |                | .....                |               | .....              |
| PXK359        | 27/09        | Xuất kho        | 632        | 62.834        |                |                      | 653,21         | 41.043.797           | 942           | 59.189.628         |
| PNK 432       | 01/10        | Nhập kho        | 112        | 62.240        | 3500           | 217.840.000          |                |                      | 942           | 59.189.628         |
|               |              |                 |            |               |                |                      |                |                      | 3500          | 217.840.000        |
| <b>PXK362</b> | <b>04/10</b> | <b>Xuất kho</b> | <b>632</b> | <b>62.834</b> |                |                      | <b>116,83</b>  | <b>7.341.948</b>     | <b>825,17</b> | <b>51.848.732</b>  |
|               |              |                 |            | 62.240        |                |                      |                |                      | 3500          | 217.840.000        |
| .....         | .....        | .....           | .....      | .....         |                | .....                |                | .....                |               | .....              |
| PXK368        | 07/10        | Xuất kho        | 632        | 62.834        |                |                      | 825,17         | 51.848.732           |               |                    |
|               |              |                 |            | 62.240        |                |                      | 1271,3         | 79.125.712           | 2228,7        | 138.714.288        |
| .....         | .....        | .....           | .....      | .....         |                | .....                |                | .....                |               | .....              |
|               |              | <b>Tổng</b>     | <b>x</b>   | <b>x</b>      | <b>130.635</b> | <b>8.190.632.969</b> | <b>126.944</b> | <b>7.996.158.681</b> |               |                    |
|               |              |                 |            |               |                |                      |                |                      | <b>9153</b>   | <b>525.160.154</b> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019



**Kế toán ghi sổ**

( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

( Ký, họ tên)

**Giám đốc**

( Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 08: Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu**

Công ty TNHH Bảo Phúc

Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**Mẫu số S07 – DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

Năm 2019

| Tên, qui cách vật liệu, dụng cụ,<br>sản phẩm hàng hóa | Số tiền              |                       |                       |                      |
|---|----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
|   | Tồn đầu kỳ           | Nhập trong kỳ         | Xuất trong kỳ         | Tồn cuối kỳ          |
| <b>Tôn mạ màu</b>                                     | <b>330.685.866</b>   | <b>8.190.632.969</b>  | <b>7.996.158.681</b>  | <b>525.160.154</b>   |
| ...   | ...                  | ...                   | ...                   | ...                  |
| Nhựa uPVC   | 125.650.000          | 485.100.000           | 534.100.000           | 76.650.000           |
| ...   | ...                  | ...                   | ...                   | ...                  |
| Kính  | 156.650.000          | 629.200.000           | 679.900.000           | 105.950.000          |
| ...   | ...                  | ...                   | ...                   | ...                  |
| <b>Cộng</b>   | <b>5.354.046.786</b> | <b>24.064.461.646</b> | <b>25.165.168.494</b> | <b>4.253.339.938</b> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Kế toán ghi sổ**

( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

( Ký, họ tên)

**Giám đốc**

( Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 09 : Trích sổ nhật ký chung**

Công ty TNHH Bảo Phúc  
Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng  
Vường, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**Mẫu số S03a – DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT  
– BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2019

Đơn vị tính : VNĐ

| Chứng từ       |              | Diễn giải                          | SH<br>TK   | Số phát sinh           |                        |
|----------------|--------------|------------------------------------|------------|------------------------|------------------------|
| SH             | NT           |                                    |            | Nợ                     | Có                     |
| .....          | ...          | .....                              | ...        |                        |                        |
| <b>PXK 362</b> | <b>04/10</b> | <b>Xuất kho bán tôn<br/>mạ màu</b> | <b>632</b> | <b>7.341.948</b>       |                        |
|                |              |                                    | <b>156</b> |                        | <b>7.341.948</b>       |
| HĐ<br>0000477  | 04/10        | Bán tôn mạ màu cho<br>Đại Thắng    | 111        | 9.229.547              |                        |
|                |              |                                    | 511        |                        | 8.390.497              |
|                |              |                                    | 3331       |                        | 839.050                |
| .....          | .....        | .....                              | .....      |                        |                        |
| HĐ<br>0000479  | 06/10        | Lắp đặt thang máy<br>cho Hạ Tầng   | 131        | 137.500.000            |                        |
|                |              |                                    | 511        |                        | 125.000.000            |
|                |              |                                    | 3331       |                        | 12.500.000             |
| .....          | .....        | .....                              | .....      |                        |                        |
| PC 386         | 21/10        | Mua văn phòng<br>phẩm              | 6422       | 1.210.000              |                        |
|                |              |                                    | 133        | 121.000                |                        |
|                |              |                                    | 1111       |                        | 1.331.000              |
| .....          | .....        | .....                              | .....      |                        |                        |
|                |              | <b>TỔNG</b>                        |            | <b>213.424.271.217</b> | <b>213.424.271.217</b> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Kế toán ghi sổ**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
( Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 09) kê toán ghi vào sổ cái TK632 (Biểu 10):

**Biểu 10: Trích sổ cái tài khoản 632**

Công ty TNHH Bảo Phúc

Mẫu số S03b – DNN

Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương,

(Ban hành theo Thông tư số

Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

133/2016/TT – BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

## SỔ CÁI

Tài khoản 632 : Giá vốn bán hàng

Năm 2019

Đơn vị tính : VNĐ

| Chứng từ       |              | Diễn Giải  | TK<br>ĐƯ   | Số tiền               |                       |
|----------------|--------------|--|------------|-----------------------|-----------------------|
| SH             | NT           |  |            | Nợ                    | Có                    |
|                |              | <b><u>Số dư đầu năm</u></b>                          |            |                       |                       |
| .....          | .....        | .....  | ...        |                       |                       |
| <b>PXK 362</b> | <b>04/10</b> | <b>Xuất kho bán tôn<br/>mạ màu cho Đại<br/>Thắng</b> | <b>156</b> | <b>7.341.948</b>      |                       |
| .....          | .....        | .....  | ...        |                       |                       |
| PXK 368        | 10/10        | Xuất kho bán tôn mạ<br>kẽm cho Hùng Nam              | 156        | 131.729.596           |                       |
| .....          | .....        | .....  | ...        |                       |                       |
| PKT31          | 31/12        | Kết chuyển GVBH                                      | 911        |                       | 37.630.216.155        |
|                |              | <b>Cộng số phát sinh</b>                             |            | <b>37.630.216.155</b> | <b>37.630.216.155</b> |
|                |              | <b><u>Số dư cuối năm</u></b>                         |            |                       |                       |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Kế toán ghi sổ**

( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

( Ký, họ tên)

**Giám đốc**

( Ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.1.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc.

a. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi;
- Hóa đơn GTGT;
- Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương;...

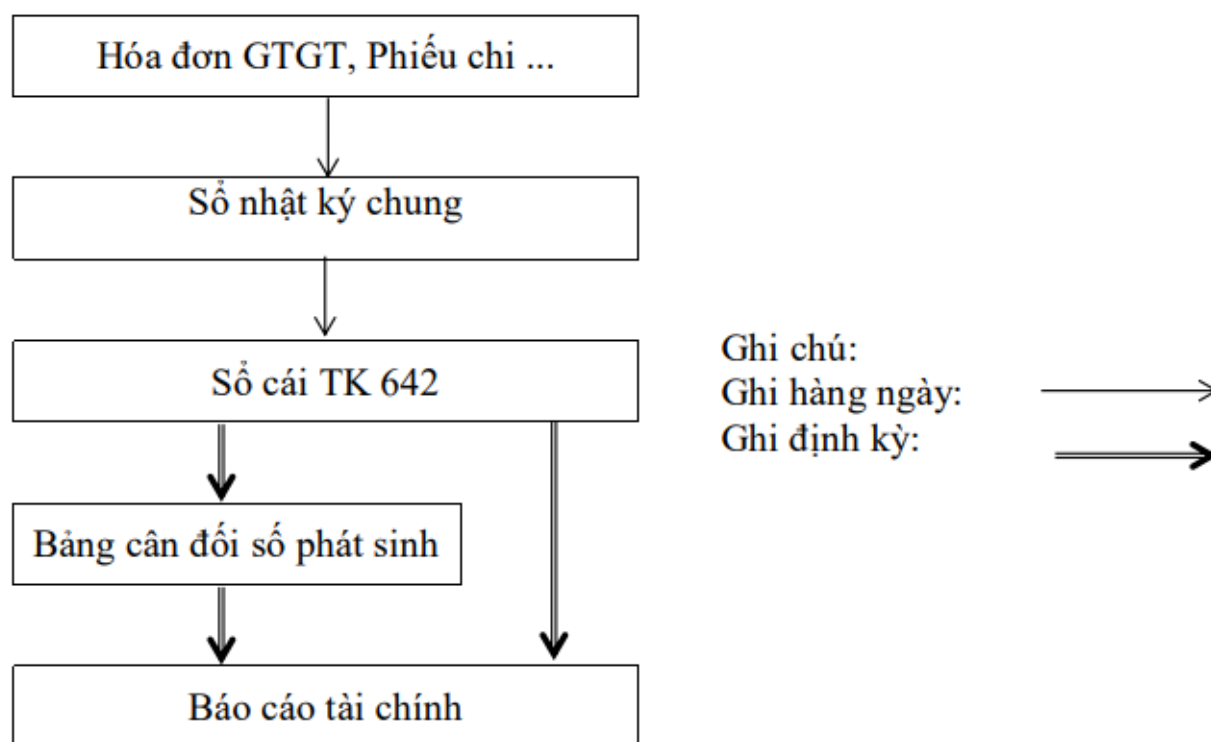
b. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

c. Sổ sách kế toán:

- Sổ nhật ký chung;
- Sổ cái tài khoản 642.

d. Phương pháp hạch toán:



#### Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc.

Ví dụ 03: Ngày 08/10/2019 Thanh toán tiền điện thoại phục vụ cho bộ phận bán hàng trả ngay bằng tiền mặt. Căn cứ vào hóa đơn số 0007628 (Biểu 11) và phiếu chi 365(Biểu 12) kế toán định khoản và ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 15):

Nợ TK 6421: 2.315.406

Nợ TK 133 : 231.541

Có TK 1111: 2.546.947

**Biểu 11: Hóa đơn 0007628**

| <b>HÓA ĐƠN (GTGT)</b>  |   | Mẫu số : 01GTKT3/001      |                               |         |            |
|--|---|---------------------------|-------------------------------|---------|------------|
| Liên 2 : Giao cho khách hàng   |   | Ký hiệu : AB/19P          |                               |         |            |
|  |   | SỐ : 0007628              |                               |         |            |
| TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE   |   |                           |                               |         |            |
| Mã số thuế : 0100686209-084  |   |                           |                               |         |            |
| Địa chỉ : Số 08 Lô 28A Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng                                 |   |                           |                               |         |            |
| Tên khách hàng : Công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc                                      |   |                           |                               |         |            |
| Địa chỉ : Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng                     |   |                           |                               |         |            |
| Số thuê bao :0225.3.789779   |   |                           |                               |         |            |
| Hình thức thanh toán : TM  |   |                           | Mã số thuế : 0200578214       |         |            |
| STT  | Dịch vụ sử dụng                           | ĐVT                       | Số lượng                      | Đơn giá | Thành tiền |
| 1  | 2   | 3                         | 4                             | 5       | 6=5x4      |
| 01   | Cước dịch vụ viễn thông tháng 10 năm 2019 |                           |                               |         | 2.315.406  |
| Thuế suất GTGT/VAT : 10%   |   | Cộng tiền hàng            |                               |         | 2.315.406  |
|  |   | Tiền thuế GTGT            |                               |         | 231.541    |
|  |   | Tổng cộng tiền thanh toán |                               |         | 2.546.947  |
| Số tiền viết bằng chữ : Hai triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng. |   |                           |                               |         |            |
| <b>Người nộp ký</b>  |   |                           | Ngày 08 tháng 10 năm 2019     |         |            |
| <b>Người nộp ký</b>  |   |                           | <b>Nhân viên giao dịch ký</b> |         |            |



**Biểu 12: Phiếu chi**

Công ty TNHH Bảo Phúc  
Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương,  
Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**Mẫu số 01 – TT**  
(Ban hành theo Thông tư số  
133/2016/TT – BTC  
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính  
Số : 365  
Nợ : 6421  
Nợ : 133  
Có : 1111

**PHIẾU CHI**

Ngày 8 tháng 10 năm 2019

Họ và tên người nhận tiền : Vũ Thị Minh Thu

Địa chỉ : Viễn thông Mobifone Hải Phòng

Lý do chi : trả tiền điện thoại

Số tiền : 2.546.947

(Viết bằng chữ) : Hai triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng.

Kèm theo : 01 chứng từ gốc

Ngày 08 tháng 10 năm 2019

|                 |                |                   |                        |                |
|-----------------|----------------|-------------------|------------------------|----------------|
| <b>Giám đốc</b> | <b>Kế toán</b> | <b>Người nhận</b> | <b>Người lập phiếu</b> | <b>Thủ quỹ</b> |
| (Ký, họ tên)    | <b>trưởng</b>  | <b>tiền</b>       | (Ký, họ tên)           | (Ký, họ tên)   |
|                 | (Ký, họ tên)   | (Ký, họ tên)      |                        |                |

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) : Hai triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....

+ Số tiền quy đổi: .....

*Ví dụ 04:* Ngày 21/10/2019 Mua văn phòng phẩm thanh toán bằng tiền mặt số tiền 1.210.000 (Chưa thuế GTGT 10%). Căn cứ vào hóa đơn 0009735 (Biểu 13) và phiếu chi 386 (Biểu 14) kế toán định khoản và ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu 15):

Nợ TK 6422: 1.210.000

Nợ TK 133 : 121.000

Có TK 1111: 1.331.000

**Biểu 13 : Hóa đơn GTGT 0009735**

HÓA ĐƠN

Mẫu số : 01GTKT3/001

| <b>GIÁ TRỊ TĂNG</b>  |                       |                       | Ký hiệu : AA/19P |                          |                             |           |
|--|-----------------------|-----------------------|------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------|
| Liên 2 : Giao cho khách hàng   |                       |                       | Số : 0009735     |                          |                             |           |
| Ngày 21 tháng 10 năm 2019  |                       |                       |                  |                          |                             |           |
| Đơn vị bán hàng : Công ty TNHH TM & DV Minh Huy                        |                       |                       |                  |                          |                             |           |
| Mã số thuế : 0201128715  |                       |                       |                  |                          |                             |           |
| Địa chỉ : Số 14 Lô 22 Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, TP.Hải Phòng           |                       |                       |                  |                          |                             |           |
| Số điện thoại : 0225.3.788779  |                       |                       |                  |                          |                             |           |
| Số tài khoản:  |                       |                       |                  |                          |                             |           |
| Họ tên người mua hàng :  |                       |                       |                  |                          |                             |           |
| Tên đơn vị : Công ty TNHH Bảo Phúc                                     |                       |                       |                  |                          |                             |           |
| Mã số thuế : 0200578214  |                       |                       |                  |                          |                             |           |
| Địa chỉ : Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng |                       |                       |                  |                          |                             |           |
| Hình thức thanh toán : TM  |                       |                       |                  |                          |                             |           |
| STT  | Tên hàng hóa, dịch vụ | ĐVT                   | Số lượng         | Đơn giá                  | Thành tiền                  |           |
| A  | B                     | C                     | (1)              | (2)                      | (3)                         |           |
| 01   | Giấy in A4 ĐL 80/90   | Thùng                 | 10               | 82.500                   | 825.000                     |           |
| 02   | Cặp còng Kokuyo 5F    | Cái                   | 07               | 40.000                   | 280.000                     |           |
| 03   | Bút nhớ Faber         | Chiếc                 | 10               | 5.000                    | 50.000                      |           |
| 04   | Ghim dập 24/6         | Hộp                   | 10               | 5.500                    | 55.000                      |           |
| Cộng tiền hàng :   |                       |                       |                  |                          | 1.210.000                   |           |
| Thuế suất GTGT/VAT : 10%   |                       |                       |                  |                          | Tiền thuế GTGT :            | 121.000   |
|  |                       |                       |                  |                          | Tổng cộng tiền thanh toán : | 1.331.000 |
| Số tiền viết bằng chữ : Một triệu ba trăm ba mươi một nghìn đồng.      |                       |                       |                  |                          |                             |           |
| <b>Người mua hàng</b>  |                       | <b>Người bán hàng</b> |                  | <b>Thủ trưởng đơn vị</b> |                             |           |
| (Ký, ghi rõ họ tên)  |                       | (Ký, ghi rõ họ tên)   |                  | (Ký, ghi rõ họ tên)      |                             |           |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)                   |                       |                       |                  |                          |                             |           |



**Biểu 14: Phiếu chi**

|   |  |                   |                        |                |
|---|--|-------------------|------------------------|----------------|
| <b>Mẫu số 01 – TT</b>   |  |                   |                        |                |
| Công ty TNHH Bảo Phúc   | (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – |                   |                        |                |
| Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng   | BTC                                      |                   |                        |                |
| Vương, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng  | Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính          |                   |                        |                |
| <b>PHIẾU CHI</b>  |  |                   |                        |                |
| Số : 386  |  |                   |                        |                |
| Ngày 21 tháng 10 năm 2019   |  |                   |                        |                |
| Nợ : 6422   |  |                   |                        |                |
| Nợ : 133  |  |                   |                        |                |
| Có : 1111   |  |                   |                        |                |
| Họ và tên người nhận tiền : Đỗ Cao Thắng                                      |  |                   |                        |                |
| Địa chỉ : Số 14 Lô 22 Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, TP.Hải Phòng                  |  |                   |                        |                |
| Lý do chi : Mua văn phòng phẩm  |  |                   |                        |                |
| Số tiền : 1.331.000   |  |                   |                        |                |
| (Viết bằng chữ) : Một triệu ba trăm ba mươi một nghìn đồng.                   |  |                   |                        |                |
| Kèm theo : 01 chứng từ gốc  |  |                   |                        |                |
| Ngày 21 tháng 10 năm 2019   |  |                   |                        |                |
| <b>Giám đốc</b>   | <b>Kế toán</b>                           | <b>Người nhận</b> | <b>Người lập phiếu</b> | <b>Thủ quỹ</b> |
| (Ký, họ tên)  | <b>trưởng</b>                            | <b>tiền</b>       | (Ký, họ tên)           | (Ký, họ tên)   |
|   | (Ký, họ tên)                             | (Ký, họ tên)      |                        |                |
| Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) : Một triệu ba trăm ba mươi một nghìn đồng |  |                   |                        |                |
| + Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý): .....                                  |  |                   |                        |                |
| + Số tiền quy đổi: .....  |  |                   |                        |                |

**Biểu 15: Trích sổ nhật ký chung**

Công ty TNHH Bảo Phúc

Mẫu số S03a – DNN

Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương, (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT –  
Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2019

Đơn vị tính : VNĐ

| Chứng từ |       | Diễn giải                             | SK<br>ĐƯ | Số phát sinh           |                        |
|----------|-------|---------------------------------------|----------|------------------------|------------------------|
| SH       | NT    |                                       |          | Nợ                     | Có                     |
| .....    | ..... | .....                                 | .....    |                        |                        |
| PC365    | 08/10 | Trả tiền điện<br>thoại                | 6421     | 2.315.406              |                        |
|          |       |                                       | 133      | 231.541                |                        |
|          |       |                                       | 1111     |                        | 2.546.947              |
| .....    | ..... | .....                                 | .....    |                        |                        |
| PC386    | 21/10 | Mua văn phòng<br>phẩm                 | 6422     | 1.210.000              |                        |
|          |       |                                       | 133      | 121.000                |                        |
|          |       |                                       | 1111     |                        | 1.331.000              |
| .....    | ..... | .....                                 | .....    |                        |                        |
| BLT10    | 31/10 | Tính ra lương phải<br>trả cho công ty | 642      | 93.718.256             |                        |
|          |       |                                       | 334      |                        | 93.718.256             |
| .....    | ..... | .....                                 | .....    |                        |                        |
|          |       | <b>TỔNG</b>                           |          | <b>213.424.271.217</b> | <b>213.424.271.217</b> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Kế toán ghi sổ**

( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

( Ký, họ tên)

**Giám đốc**

( Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 15) kế toán ghi vào sổ cái TK642 (Biểu 16):

**Biểu 16: Trích sổ cái tài khoản 642**

Công ty TNHH Bảo Phúc

Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương,

Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**Mẫu số S03b – DNN**

(Ban hành theo Thông tư số

133/2016/TT – BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

## SỔ CÁI

Tài khoản 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2019

Đơn vị tính : VNĐ

| Chứng từ     |              | Diễn Giải                     | TK<br>ĐƯ    | Số tiền              |                      |
|--------------|--------------|-------------------------------|-------------|----------------------|----------------------|
| SH           | NT           |                               |             | Nợ                   | Có                   |
|              |              | <b><u>Số dư đầu năm</u></b>   |             |                      |                      |
| .....        | .....        | .....                         | .....       |                      |                      |
| <b>PC365</b> | <b>08/10</b> | <b>Trả tiền điện thoại</b>    | <b>1111</b> | <b>2.315.406</b>     |                      |
| .....        | .....        | .....                         | .....       |                      |                      |
| <b>PC386</b> | <b>21/10</b> | <b>Mua văn phòng phẩm</b>     | <b>1111</b> | <b>1.210.000</b>     |                      |
| .....        | .....        | .....                         | .....       |                      |                      |
| <b>BLT10</b> | <b>31/10</b> | <b>Tính ra lương phải trả</b> | <b>334</b>  | <b>93.718.256</b>    |                      |
| .....        | .....        | .....                         | .....       |                      |                      |
| <b>PKT32</b> | <b>31/12</b> | <b>Kết chuyển CPQLDN</b>      | <b>911</b>  |                      | <b>1.892.306.425</b> |
|              |              | <b>Cộng số phát sinh</b>      |             | <b>1.892.306.425</b> | <b>1.892.306.425</b> |
|              |              | <b><u>Số dư cuối năm</u></b>  |             |                      |                      |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Kế toán ghi sổ**

( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

( Ký, họ tên)

**Giám đốc**

( Ký, họ tên, đóng dấu)

## 2.2.2 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc.

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty phát sinh do tiền lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi hàng tháng do các khoản vay dài hạn và phí tiền gửi.

a. Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có; Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan.

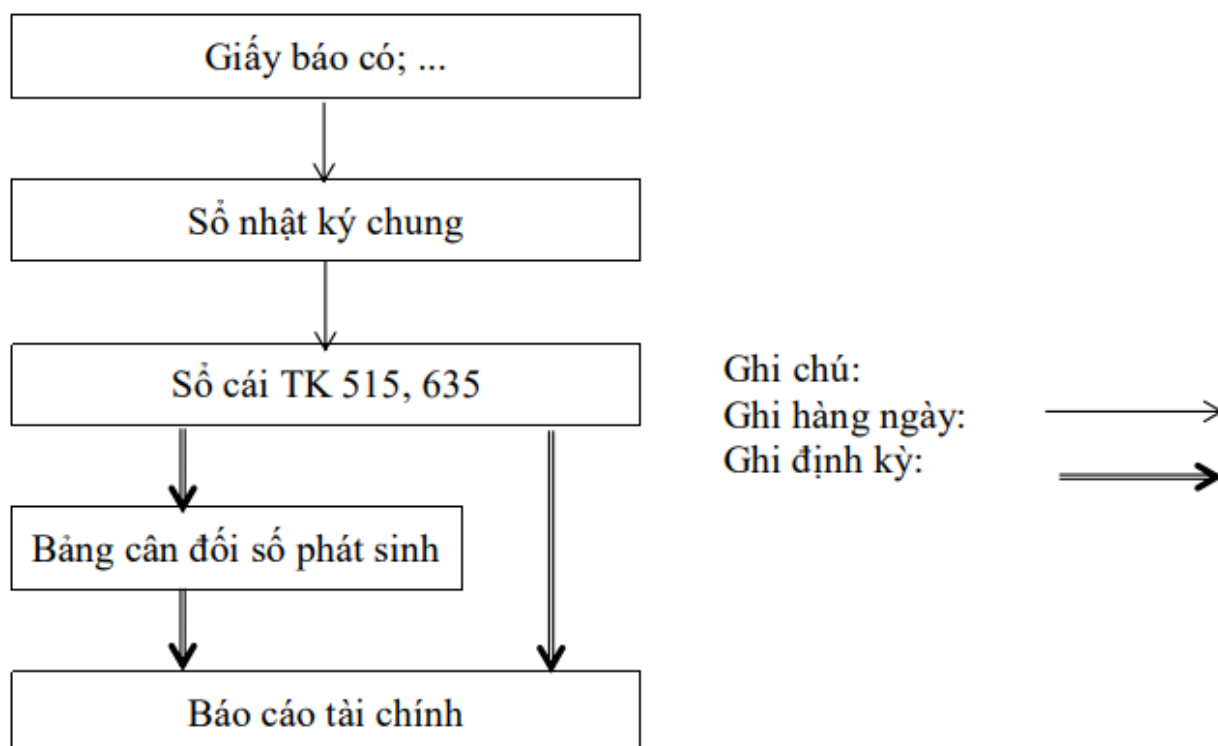
b. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.
- Tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

c. Sổ sách kế toán:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 515, 635.

d. Phương pháp hạch toán:



**Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc**

---

Ví dụ 05: 25/10/2019 Nhận được lãi tiền gửi ngân hàng tháng 10 năm 2019. Căn cứ vào giấy báo có (Biểu 17) kê toán định khoản và ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 19)

Nợ TK 112: 445.316

Có TK 515: 445.316

**Biểu 17 : Giấy báo có**

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Chi nhánh : 16433 – CN LÊ CHÂN PGD KHU

CN VSIP



**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 25 tháng 10 năm 2019

Kính gửi : CÔNG TY TNHH BẢO PHÚC

Mã số thuế : 0200578214

Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam xin trân trọng thông báo tài khoản của quý khách hàng đã ghi Có với nội dung như sau :

Số tài khoản ghi có : 111000063736

Số tiền bằng số : 445.316

Số tiền bằng chữ : Bốn trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm mười sáu đồng .

Nội dung : Trả lãi tài khoản.

**Giao dịch viên**

**Kiểm soát**

Ví dụ 06: 25/10/2019 Trả lãi tiền vay ngân hàng Vietinbank tháng 10 năm 2019. Căn cứ vào giấy báo nợ (Biểu 18) kê toán định khoản và ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 19)

Nợ TK 635: 21.716.550

Có TK 112: 21.716.550

**Biểu 18 : Giấy báo nợ**

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Chi nhánh : 16433 – CN LÊ CHÂN PGD KHU



CN VSIP

**GIẤY BÁO NỢ**

Ngày 25 tháng 10 năm 2019

Kính gửi : CÔNG TY TNHH BẢO PHÚC

Mã số thuế : 0200578214

Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam xin trân trọng thông báo tài khoản của quý khách hàng đã ghi Nợ với nội dung như sau :

Số tài khoản ghi nợ : 111000063736

Số tiền bằng số : 21.716.550

Số tiền bằng chữ : Hai mươi một triệu bảy trăm mười sáu nghìn năm trăm lăm mươi đồng .

Nội dung : Trả lãi tiền vay .

**Giao dịch viên**

**Kiểm soát**

**Biểu 19: Trích sổ nhật ký chung**

Công ty TNHH Bảo Phúc  
 Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng  
 Vương, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**Mẫu số S03a – DNN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT –  
 BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2019**

Đơn vị tính : VNĐ

| Chứng từ             |              | Diễn giải                                       | SK<br>ĐƯ   | Số phát sinh           |                        |
|----------------------|--------------|---|------------|------------------------|------------------------|
| SH                   | NT           |   |            | Nợ                     | Có                     |
| .....                | .....        | .....   | .....      |                        |                        |
| <b>GBC<br/>25/10</b> | <b>25/10</b> | <b>Nhận lãi tiền gửi<br/>ngân hàng tháng 10</b> | <b>112</b> | <b>445.316</b>         |                        |
|                      |              |   | <b>515</b> |                        | <b>445.316</b>         |
| <b>GBN<br/>25/10</b> | <b>25/10</b> | <b>Trả lãi tiền vay<br/>ngân hàng tháng 10</b>  | <b>635</b> | <b>21.716.550</b>      |                        |
|                      |              |   | <b>112</b> |                        | <b>21.716.550</b>      |
| .....                | .....        | .....   | .....      |                        |                        |
| GBC<br>25/11         | 25/11        | Nhận lãi tiền gửi<br>ngân hàng tháng 11         | 112        | 614.025                |                        |
|                      |              |   | 515        |                        | 614.025                |
| GBN<br>25/11         | 25/11        | Trả lãi tiền vay ngân<br>hàng tháng 11          | 635        | 20.281.311             |                        |
|                      |              |   | 112        |                        | 20.281.311             |
| .....                | .....        | .....   | .....      |                        |                        |
|                      |              | <b>TỔNG</b>                                     |            | <b>213.424.271.217</b> | <b>213.424.271.217</b> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Kế toán ghi sổ**  
 ( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 ( Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 ( Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 19) kế toán ghi vào sổ cái TK515 (Biểu 20) và sổ cái TK 635 (Biểu 21):

**Biểu 20 : Trích sổ cái tài khoản 515**

Công ty TNHH Bảo Phúc  
Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương,  
Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**Mẫu số S03b – DNN**  
(Ban hành theo Thông tư số  
133/2016/TT – BTC  
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 515 : Doanh thu hoạt động tài chính  
Năm 2019

Đơn vị tính : VNĐ

| Chứng từ     |              | Diễn Giải                    | TK<br>ĐƯ   | Số tiền    |                |
|--------------|--------------|------------------------------|------------|------------|----------------|
| SH           | NT           |                              |            | Nợ         | Có             |
|              |              | <b><u>Số dư đầu năm</u></b>  |            |            |                |
| .....        | .....        | .....                        | .....      |            |                |
| <b>GBC</b>   | <b>25/10</b> | <b>Nhận Lãi tiền gửi</b>     | <b>112</b> |            | <b>445.316</b> |
| <b>25/10</b> |              | <b>tháng 10</b>              |            |            |                |
| .....        | .....        | .....                        | .....      |            |                |
| GBC          | 25/11        | Nhận Lãi tiền gửi            | 112        |            | 614.025        |
| 25/11        |              | tháng 11                     |            |            |                |
| .....        | .....        | .....                        | .....      |            |                |
| PKT31        | 31/12        | Kết chuyển                   | 911        | 14.837.250 |                |
|              |              | DTHĐTC                       |            |            |                |
|              |              | Cộng số phát sinh            |            | 14.837.250 | 14.837.250     |
|              |              | <b><u>Số dư cuối năm</u></b> |            |            |                |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Kế toán ghi sổ**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
( Ký, họ tên, đóng dấu)



**Biểu 21 : Trích sổ cái tài khoản 635**

Công ty TNHH Bảo Phúc  
 Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng  
 Vương, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**Mẫu số S03b – DNN**  
 (Ban hành theo Thông tư số  
 133/2016/TT – BTC  
 Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 635 : Chi phí tài chính

Năm 2019

Đơn vị tính : VNĐ

| Chứng từ                   |              | Diễn Giải                                  | TK<br>ĐƯ   | Số tiền           |             |
|----------------------------|--------------|--|------------|-------------------|-------------|
| SH                         | NT           |  |            | Nợ                | Có          |
|                            |              | <b><u>Số dư đầu năm</u></b>                |            |                   |             |
| .....                      | .....        | .....                                      | .....      |                   |             |
| <b>GBN</b><br><b>25/10</b> | <b>25/10</b> | <b>Trả lãi tiền vay</b><br><b>tháng 10</b> | <b>112</b> | <b>21.716.550</b> |             |
| .....                      | .....        | .....                                      | .....      |                   |             |
| GBN<br>25/11               | 25/10        | Trả lãi tiền vay<br>tháng 11               | 112        | 20.281.311        |             |
| .....                      | .....        | .....                                      | .....      |                   |             |
| PKT32                      | 31/12        | Kết chuyển CPTC                            | 911        |                   | 122.469.723 |
|                            |              | Cộng số phát sinh                          |            | 122.469.723       | 122.469.723 |
|                            |              | <b><u>Số dư cuối năm</u></b>               |            |                   |             |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

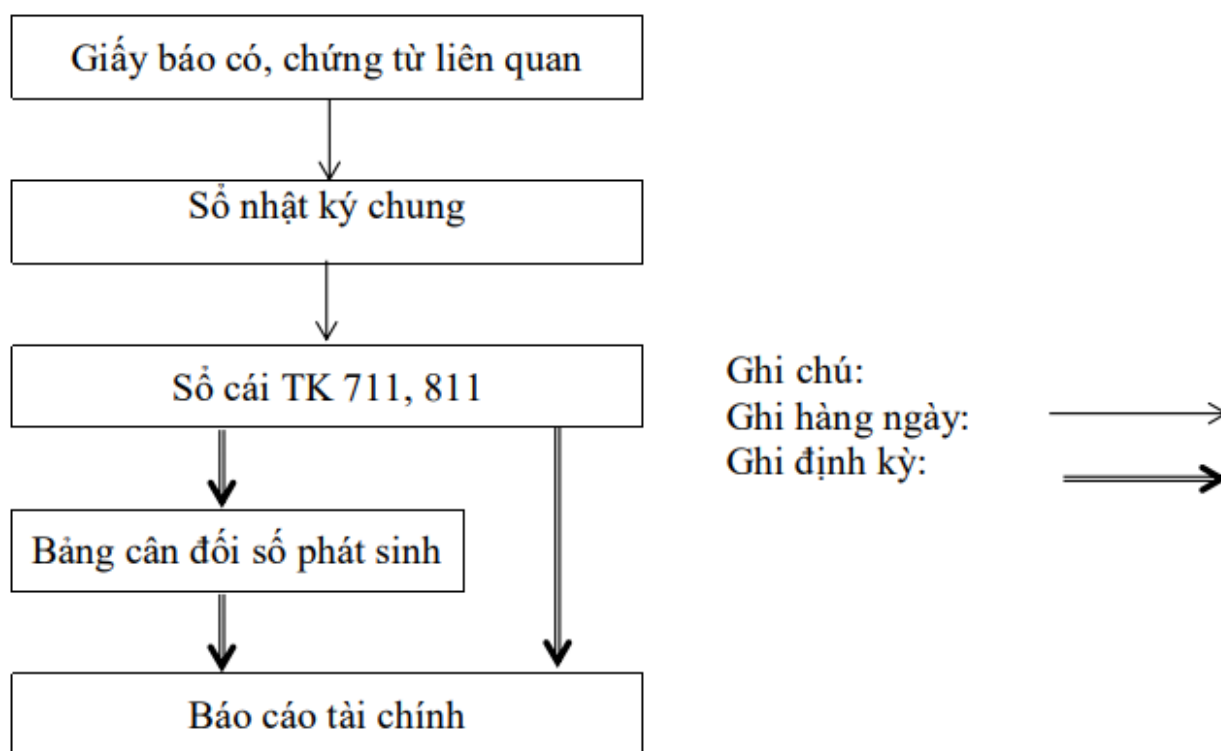
**Kế toán ghi sổ**  
 ( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 ( Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 ( Ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.3 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí khác tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc .

- a. Chứng từ sử dụng:
  - Giấy báo có;
  - Chứng từ khác có liên quan.
- b. Tài khoản sử dụng:
  - Tài khoản 711 – Thu nhập khác.
  - Tài khoản 811 – Chi phí khác.
- c. Sổ sách kế toán:
  - Sổ nhật ký chung
  - Sổ cái TK 711, 811
- d. Phương pháp hạch toán:



**Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí khác tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc**

Trong năm 2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc không phát sinh nghiệp vụ nào về thu nhập khác và chi phí khác.

### 2.2.4 Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc.

Cuối kỳ kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính toán số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

a. Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán

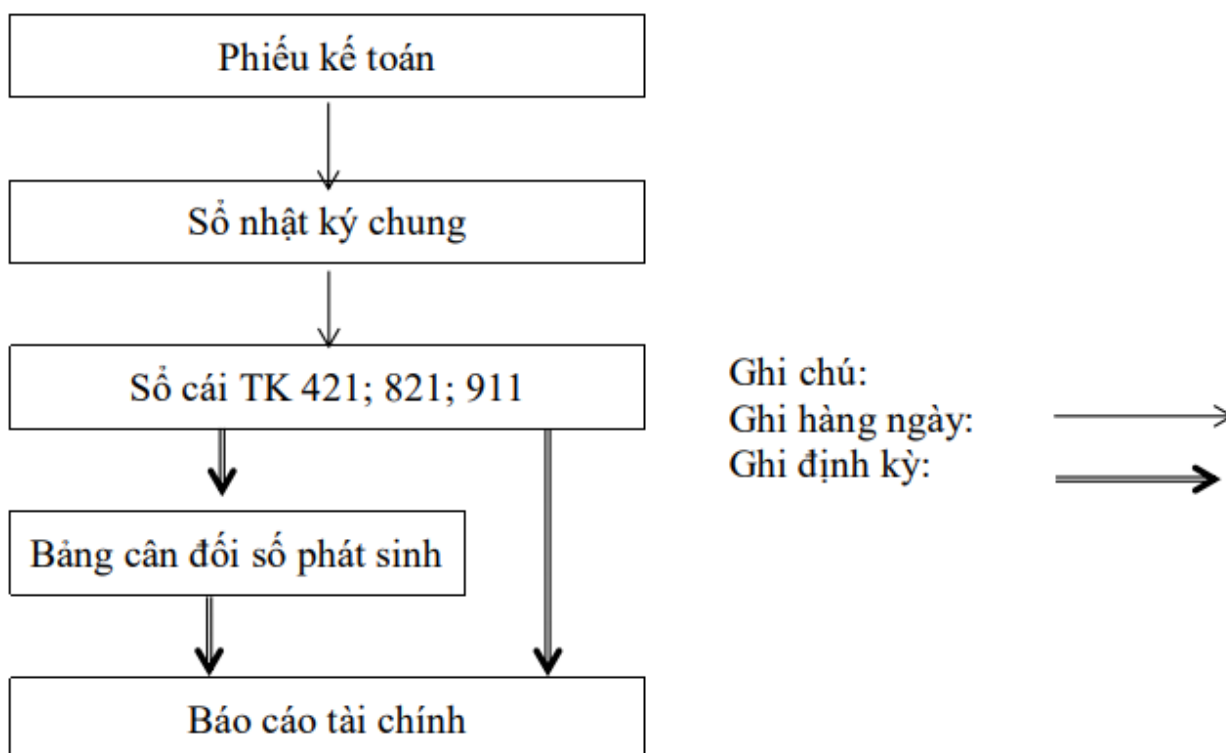
b. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

c. Sổ sách kế toán:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 421; 821; 911

d. Phương pháp hạch toán:



**Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc**

Ví dụ 07: 31/12/2019 Kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển trên phiếu kế toán (Biểu 22, 23, 24, 25, 26). Từ phiếu kế toán, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 27)

**Biểu 22: Phiếu kế toán**

Công ty TNHH Bảo Phúc

Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

Mã số thuế : 0200578214

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số : 31

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

| STT | Diễn giải            | Tài khoản đối ứng |     | Số tiền        |
|-----|----------------------|-------------------|-----|----------------|
|     |                      | Nợ                | Có  |                |
| 1   | Kết chuyển DTBH&CCDV | 511               | 911 | 41.465.056.165 |
| 2   | Kết chuyển DT HĐTC   | 515               | 911 | 14.837.250     |
|     | Cộng                 |                   |     | 41.479.893.415 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

|                                       |                                       |
|---------------------------------------|---------------------------------------|
| <b>Người lập biểu</b><br>(Ký, họ tên) | <b>Kế toán trưởng</b><br>(Ký, họ tên) |
|---------------------------------------|---------------------------------------|

**Biểu 23: Phiếu kế toán**

Công ty TNHH Bảo Phúc

Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

Mã số thuế : 0200578214

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số : 32

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

| STT | Diễn giải         | Tài khoản đối ứng |     | Số tiền        |
|-----|-------------------|-------------------|-----|----------------|
|     |                   | Nợ                | Có  |                |
| 1   | Kết chuyển GVBH   | 911               | 632 | 37.630.216.155 |
| 2   | Kết chuyển CPTC   | 911               | 635 | 122.469.723    |
| 3   | Kết chuyển CPQLDN | 911               | 642 | 1.892.306.425  |
|     | Cộng              |                   |     | 39.644.992.303 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

|                                       |                                       |
|---------------------------------------|---------------------------------------|
| <b>Người lập biểu</b><br>(Ký, họ tên) | <b>Kế toán trưởng</b><br>(Ký, họ tên) |
|---------------------------------------|---------------------------------------|

**Biểu 24: Phiếu kế toán**

Công ty TNHH Bảo Phúc

Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

Mã số thuế : 0200578214

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số : 33

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

| STT                                   | Diễn giải                   | Tài khoản đối ứng                     |      | Số tiền                   |
|---------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|------|---------------------------|
|                                       |                             | Nợ                                    | Có   |                           |
| 1                                     | Xác định thuế TNDN phải nộp | 821                                   | 3334 | 366.980.222               |
|                                       |                             |                                       |      |                           |
|                                       | Cộng                        |                                       |      | 366.980.222               |
|                                       |                             |                                       |      | Ngày 31 tháng 12 năm 2019 |
| <b>Người lập biểu</b><br>(Ký, họ tên) |                             | <b>Kế toán trưởng</b><br>(Ký, họ tên) |      |                           |

**Biểu 25: Phiếu kế toán**

Công ty TNHH Bảo Phúc

Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

Mã số thuế : 0200578214

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số : 34

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

| STT                                   | Diễn giải                    | Tài khoản đối ứng                     |     | Số tiền                   |
|---------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------|-----|---------------------------|
|                                       |                              | Nợ                                    | Có  |                           |
| 1                                     | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 911                                   | 821 | 366.980.222               |
|                                       |                              |                                       |     |                           |
|                                       | Cộng                         |                                       |     | 366.980.222               |
|                                       |                              |                                       |     | Ngày 31 tháng 12 năm 2019 |
| <b>Người lập biểu</b><br>(Ký, họ tên) |                              | <b>Kế toán trưởng</b><br>(Ký, họ tên) |     |                           |

**Biểu 26: Phiếu kế toán**

Công ty TNHH Bảo Phúc

Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

Mã số thuế : 0200578214

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số : 35

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

| STT | Diễn giải      | Tài khoản đối ứng |     | Số tiền       |
|-----|----------------|-------------------|-----|---------------|
|     |                | Nợ                | Có  |               |
| 1   | Kết chuyển lãi | 911               | 421 | 1.467.920.890 |
|     |                |                   |     |               |
|     | Cộng           |                   |     | 1.467.920.890 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu 27: Trích sổ nhật ký chung**

Công ty TNHH Bảo Phúc

Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng

Vương, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**Mẫu số S03a – DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT –

**BTC**

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG****Năm 2019**

Đơn vị tính : VNĐ

| Chứng từ |       | Diễn giải                    | SK<br>ĐƯ | Số phát sinh           |                        |
|----------|-------|------------------------------|----------|------------------------|------------------------|
| SH       | NT    |                              |          | Nợ                     | Có                     |
| .....    | ..... | .....                        | .....    |                        |                        |
| PKT31    | 31/12 | Kết chuyển DTBH              | 511      | 41.465.056.165         |                        |
|          |       |                              | 911      |                        | 41.465.056.165         |
| PKT31    | 31/12 | Kết chuyển DT HĐTC           | 515      | 14.837.250             |                        |
|          |       |                              | 911      |                        | 14.837.250             |
| PKT32    | 31/12 | Kết chuyển GVBH              | 911      | 37.630.216.155         |                        |
|          |       |                              | 632      |                        | 37.630.216.155         |
| PKT32    | 31/12 | Kết chuyển CPTC              | 911      | 122.469.723            |                        |
|          |       |                              | 635      |                        | 122.469.723            |
| PKT32    | 31/12 | Kết chuyển CP QLDN           | 911      | 1.892.306.425          |                        |
|          |       |                              | 642      |                        | 1.892.306.425          |
| PKT33    | 31/12 | Xác định thuế TNDN           | 821      | 366.980.222            |                        |
|          |       |                              | 3334     |                        | 366.980.222            |
| PKT34    | 31/12 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 911      | 366.980.222            |                        |
|          |       |                              | 821      |                        | 366.980.222            |
| PKT35    | 31/12 | Kết chuyển lãi               | 911      | 1.467.920.890          |                        |
|          |       |                              | 421      |                        | 1.467.920.890          |
|          |       | <b>TỔNG</b>                  |          | <b>213.424.271.217</b> | <b>213.424.271.217</b> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Kế toán ghi sổ**

( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

( Ký, họ tên)

**Giám đốc**

( Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 27) kế toán ghi vào sổ cái TK911 (Biểu 28 )  
Sổ cái TK 821(Biểu 29), Sổ cái TK 421(Biểu 30)

**Biểu 28: Trích sổ cái tài khoản 911**

Công ty TNHH Bảo Phúc

**Mẫu số S03b – DNN**

Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương, (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT –

Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

## SỔ CÁI

Tài khoản 911 : Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2019

Đơn vị tính : VNĐ

| Chứng từ |       | Diễn Giải                    | TK<br>ĐƯ | Số tiền        |                |
|----------|-------|------------------------------|----------|----------------|----------------|
| SH       | NT    |                              |          | Nợ             | Có             |
|          |       | <b><u>Số dư đầu năm</u></b>  |          |                |                |
| PKT31    | 31/12 | Kết chuyển DTBH              | 511      |                | 41.465.056.165 |
| PKT31    | 31/12 | Kết chuyển DT HĐTC           | 515      |                | 14.837.250     |
| PKT32    | 31/12 | Kết chuyển GVBH              | 632      | 37.630.216.155 |                |
| PKT32    | 31/12 | Kết chuyển CPTC              | 635      | 122.469.723    |                |
| PKT32    | 31/12 | Kết chuyển CP QLDN           | 642      | 1.892.306.425  |                |
| PKT34    | 31/12 | Kết chuyển thuế TNDN         | 821      | 366.980.222    |                |
| PKT35    | 31/12 | Kết chuyển lãi               | 421      | 1.467.920.890  |                |
|          |       | Cộng số phát sinh            |          | 41.479.893.415 | 41.479.893.415 |
|          |       | <b><u>Số dư cuối năm</u></b> |          |                |                |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Kế toán ghi sổ**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
( Ký, họ tên, đóng dấu)

### Biểu 29: Trích sổ cái tài khoản 821

Công ty TNHH Bảo Phúc  
Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương,  
Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**Mẫu số S03b – DNN**  
(Ban hành theo Thông tư số  
133/2016/TT – BTC  
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)



# SỔ CÁI

Tài khoản 821 : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2019

Đơn vị tính : VNĐ

| Chứng từ |       | Diễn Giải                        | TK<br>ĐƯ | Số tiền     |             |
|----------|-------|----------------------------------|----------|-------------|-------------|
| SH       | NT    |                                  |          | Nợ          | Có          |
|          |       | <b><u>Số dư đầu năm</u></b>      |          |             |             |
| PKT33    | 31/12 | Xác định thuế TNDN               | 3334     | 366.980.222 |             |
| PKT34    | 31/12 | Kết chuyển thuế TNDN<br>phải nộp | 911      |             | 366.980.222 |
|          |       | Cộng số phát sinh                |          | 366.980.222 | 366.980.222 |
|          |       | <b><u>Số dư cuối năm</u></b>     |          |             |             |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Kế toán ghi sổ**

( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

( Ký, họ tên)

**Giám đốc**

( Ký, họ tên, đóng  
dấu)

## **Biểu 30: Trích sổ cái tài khoản 421**

Công ty TNHH Bảo Phúc  
Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương,  
Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**Mẫu số S03b – DNN**

(Ban hành theo Thông tư số  
133/2016/TT – BTC

Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

# SỔ CÁI

Tài khoản 421 : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối  
Năm 2019

Đơn vị tính : VNĐ

| Chứng từ |       | Diễn Giải                      | TK<br>ĐƯ | Số tiền       |               |
|----------|-------|--------------------------------|----------|---------------|---------------|
| SH       | NT    |                                |          | Nợ            | Có            |
|          |       | <b><u>Số dư đầu năm</u></b>    |          |               | 1.477.558.866 |
| ...      | ...   | .....                          | ...      |               |               |
| PKT35    | 31/12 | Lợi nhuận sau thuế năm<br>2019 | 911      |               | 1.467.920.890 |
|          |       | Cộng số phát sinh              |          | 1.477.558.866 | 1.467.920.890 |
|          |       | <b><u>Số dư cuối năm</u></b>   |          |               | 1.467.920.890 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Kế toán ghi sổ**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
( Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 31: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Công ty TNHH Bảo Phúc  
Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương, Hồng Bàng,  
TP.Hải Phòng

Mẫu số B02 – DNN  
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC  
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2019

Đơn vị tính : VNĐ

| CHỈ TIÊU                                 | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay        | Năm trước      |
|--|-----------|-------------|----------------|----------------|
| 1  | 2         | 3           | 4              | 5              |
| 1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | <u>01</u> |             | 41.465.056.165 | 40.126.982.651 |
| 2.Các khoản giảm trừ doanh thu           | 02        |             |                |                |

|   |           |  |                       |                       |
|---|-----------|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b> | <b>10</b> |  | <b>41.465.056.165</b> | <b>40.126.982.651</b> |
| 4.Giá vốn bán hàng  | 11        |  | 37.630.216.155        | 36.338.633.480        |
| <b>5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>              | <b>20</b> |  | <b>3.834.870.010</b>  | <b>3.788.349.171</b>  |
| 6.Doanh thu hoạt động tài chính                                     | 21        |  | 14.837.250            | 7.231.524             |
| 7.Chi phí tài chính   | 22        |  | 122.469.723           | 146.239.155           |
| -Trong đó : Chi phí lãi vay   | 23        |  | 122.469.723           | 146.239.155           |
| 8.Chi phí quản lý doanh nghiệp                                      | 24        |  | 1.892.306.425         | 2.265.182.467         |
| <b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)</b>  | <b>30</b> |  | <b>1.834.931.112</b>  | <b>1.384.159.073</b>  |
| 10.Thu nhập khác  | 31        |  |                       | 462.789.510           |
| 11.Chi phí khác   | 32        |  |                       |                       |
| <b>12.Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>                                  | <b>40</b> |  |                       | <b>462.789.510</b>    |
| <b>13.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>              | <b>50</b> |  | <b>1.834.931.112</b>  | <b>1.846.948.583</b>  |
| 14.Chi phí TNDN   | 51        |  | 336.980.222           | 369.389.717           |
| 15.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)              | <u>60</u> |  | 1.467.920.890         | 1.477.558.866         |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Kế toán ghi sổ  
Hoàng Ngân Hà

Kế toán trưởng  
Nguyễn Văn Khiêm

Giám đốc  
Lê Đức Anh

### **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BẢO PHÚC.**

#### **3.1 Đánh giá chung công tác kế toán.**

Qua tìm hiểu thực trạng công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc em nhận thấy:

✓ **Ưu điểm:**

- Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, phòng tài chính kế toán thực hiện toàn bộ công tác kế toán của công ty. Bộ máy kế toán đơn giản, gọn nhẹ thu thập thông tin một cách nhanh chóng; phân công lao động cụ

---

thể cho từng kế toán. Mọi phần hành kế toán đều có người theo dõi, thực hiện đầy đủ. Các kế toán định kỳ kiểm tra, đối chiếu số liệu đảm bảo tính chính xác đồng thời theo dõi kịp thời các hoạt động của công ty.

- Ban lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong công ty. Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, có trách nhiệm với công việc.

- Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh tại công ty.

- Tài liệu có sự tập trung, thống nhất, ghi chép, lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh và theo dõi theo trình tự thời gian. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan tới doanh thu được cập nhập hàng ngày, phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu; Các nghiệp vụ kinh tế liên quan tới chi phí được phản ánh cẩn thận, kịp thời tránh tình trạng lãng phí.

- Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã cung cấp cho ban lãnh đạo thông tin liên quan tới tình hình kinh doanh của công ty. Từ đó giúp cho ban lãnh đạo công ty đưa ra đường lối kinh doanh đúng đắn nhất.

✓ **Hạn chế:**

- Công ty chưa mở sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.

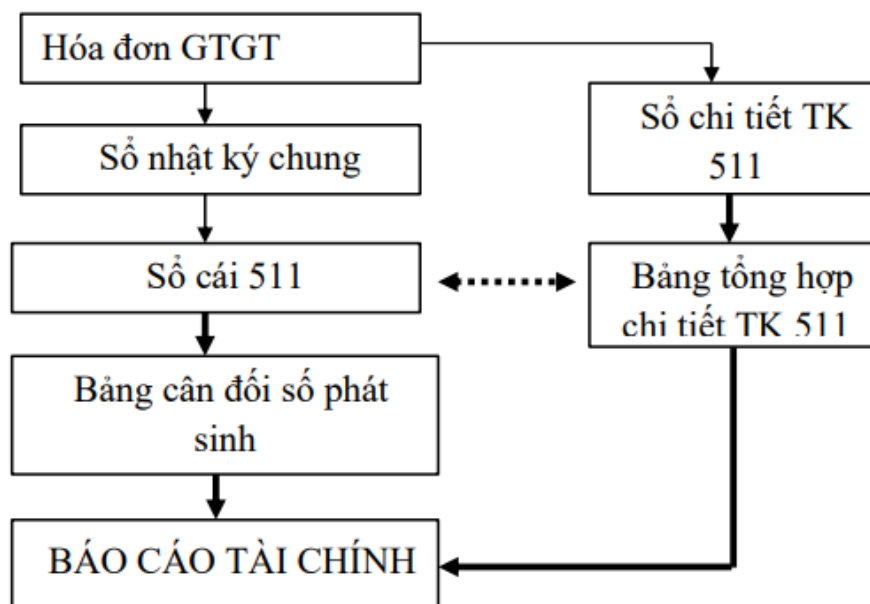
- Công ty sử dụng máy tính để lưu trữ số liệu nhưng vẫn chỉ là phần mềm Word, Excel vẫn chưa áp dụng phần mềm kế toán riêng cho công tác kế toán.

### **3.2 Một số giải pháp.**

#### **3.2.1 Giải pháp 1: Công ty nên tiến hành mở sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán để xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng .**

Công ty nên mở sổ chi tiết cho TK 511, 632 cho từng loại sản phẩm, hàng hóa để có thể xác định được lợi nhuận cụ thể cho từng mặt hàng, giúp cung cấp thông tin chính xác cho ban quản trị có thể đưa ra chính sách hợp lý, đẩy mạnh quá trình tiêu thụ sản phẩm, làm tăng thu nhập trong kỳ.

Như vậy, quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng của công ty như sau:



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



**Sơ đồ 3.1. Sơ đồ hạch toán về kế toán doanh thu bán hàng**

Ví dụ 01(tiếp): 04/10/2019 Xuất kho 116.83 m<sup>2</sup> Tôn mạ màu bán cho Đại Thắng,

**Biểu 32: Sổ chi tiết bán hàng**

Công ty TNHH Bảo Phúc

Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**Mẫu số S16 – DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC  
Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Tôn mạ màu

Năm 2019

| NT ghi số | Chứng từ      |       | Diễn giải                                      | TK ĐƯ | DOANH THU     |         |                      | CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ |      |
|-----------|---------------|-------|--|-------|---------------|---------|----------------------|--------------------|------|
|           | SH            | NT    |  |       | SL            | Đơn giá | Thành tiền           | Thuế               | Khác |
| A         | B             | C     | D  | E     | 1             | 2       | 3                    | 4                  | 5    |
| ...       | ...           | ...   | .....  | ...   | ...           | ...     | ...                  | ...                | ...  |
| 04/10     | HĐ<br>0000477 | 04/10 | Bán tôn mạ màu cho Công ty CP XD&DV Đại Thắng  | 111   | 116,83        | 71.818  | 8.390.497            |                    |      |
| ...       | ...           | ...   | .....  | ...   | ...           | ...     | ...                  | ...                | ...  |
| 07/10     | HĐ<br>0000482 | 07/10 | Bán tôn mạ màu cho Công ty TNHH TM&SX Hùng Nam | 112   | 2.096,47      | 73.194  | 153.449.025          |                    |      |
| ...       | ...           | ...   | .....  | ...   | ...           | ...     | ...                  | ...                | ...  |
|           |               |       | <b>Cộng số phát sinh</b>                       |       | <b>15.694</b> |         | <b>1.130.501.596</b> |                    |      |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Người lập biểu**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

**Người đại diện theo pháp luật**  
( Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 33: Sổ chi tiết giá vốn bán hàng**

Công ty TNHH Bảo Phúc

Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm : Tôn mạ màu

Năm 2019

| NT ghi số | Chứng từ |       | Diễn giải   | TK ĐƯ | Đơn giá                 | GIÁ VỐN                  |                          |
|-----------|----------|-------|---|-------|-------------------------|--------------------------|--------------------------|
|           | SH       | NT    |   |       |                         | Số lượng                 | Thành tiền               |
| A         | B        | C     | D   | E     | 1                       | 2                        | 3                        |
|           |          |       | <b>Số dư đầu kỳ</b>                                     |       |                         |                          |                          |
|           |          |       | Số phát sinh  |       |                         |                          |                          |
| ...       | ...      | ...   | .....   | ...   | ...                     | ...                      | ...                      |
| 04/10     | PKX362   | 04/10 | Xuất kho bán tôn mạ màu cho Công ty CP XD&DV Đại Thắng  | 156   | <b>62.834</b>           | 116.83                   | 8.390.497                |
| ...       | ...      | ...   | .....   | ...   | ...                     | ...                      | ...                      |
| 07/10     | PXK368   | 07/10 | Xuất kho bán tôn mạ màu cho Công ty TNHH TM&SX Hùng Nam | 156   | <b>62.834</b><br>62.240 | <b>825,17</b><br>1.271,3 | 51.848.732<br>79.125.712 |
| ...       | ...      | ...   | .....   | ...   | ...                     | ...                      | ...                      |
|           |          |       | <b>Cộng số phát sinh</b>                                |       |                         | <b>15.694</b>            | <b>992.080.516</b>       |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Người lập biểu**  
( Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)**Giám đốc**  
( Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 34: Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng**

Công ty TNHH Bảo Phúc

Km 7 + 700 Đường Hà Nội, Hùng Vương, Hồng Bàng, TP.Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Năm 2019

Đơn giá tính : VNĐ

| STT | Tên vật tư    | ĐVT            | Số lượng      | Doanh thu             | Các khoản giảm trừ | Doanh thu thuần       | Giá vốn               | Lợi nhuận gộp        | Tỷ suất lợi nhuận gộp |
|-----|---------------|----------------|---------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| 1   | Cửa sổ 2 cánh | m <sup>2</sup> | 306           | 250.920.000           | -                  | 250.920.000           | 228.131.464           | 22.788.536           | 9,08%                 |
| 2   | Cửa sổ 3 cánh | m <sup>2</sup> | 184           | 149.040.000           | -                  | 149.040.000           | 138.146.179           | 16.560.000           | 7,3%                  |
| ... | ...           | ...            | .....         | .....                 | -                  | .....                 | .....                 | .....                |                       |
| 19  | Tôn lạnh      | m <sup>2</sup> | 6.623         | 518.587.523           | -                  | 518.587.523           | 472.736.494           | 45.851.029.          | 8,84%                 |
| 20  | Tôn mạ kẽm    | m <sup>2</sup> | 9173          | 607.647.039           | -                  | 607.647.039           | 534.263.679           | 73.383.360           | 12,07%                |
| 21  | Tôn mạ màu    | m <sup>2</sup> | <b>12.694</b> | <b>1.130.501.596</b>  | -                  | <b>1.130.501.596</b>  | <b>992.080.516</b>    | <b>138.421.080</b>   | 12,24%                |
| ... | ...           | ...            | .....         | .....                 | -                  | .....                 | .....                 | .....                |                       |
|     | <b>Cộng</b>   |                |               | <b>41.465.056.165</b> |                    | <b>41.465.056.165</b> | <b>37.630.216.155</b> | <b>3.834.870.010</b> |                       |

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



---

Tác dụng của việc mở sổ chi tiết cho các tài khoản 511 và 632: Giúp phân biệt được từng loại doanh thu, điều này giúp các nhà quản lý đánh giá được doanh thu của mặt hàng nào có hiệu quả hơn, từ đó có các chính sách, biện pháp nên tăng doanh thu của sản phẩm, hàng hóa nào và nên giảm doanh thu của sản phẩm, hàng hóa nào. Ban quản trị sẽ xây dựng kế hoạch doanh thu cho từng loại.

Ví dụ: Từ việc lập sổ chi tiết bán hàng (Biểu 32) và sổ chi tiết giá vốn hàng bán (Bảng 33) ta sẽ lập được bảng tổng hợp chi tiết bán hàng (Biểu 34). Thông qua bảng tổng hợp chi tiết bán hàng như trên ta thấy được mặt hàng nào có lãi hơn và từ đó kiểm soát được chi phí hiệu quả cho từng mặt hàng thông qua tỷ suất lợi nhuận gộp. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận gộp thể hiện khoảng chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của sản phẩm, dịch vụ kinh doanh của doanh nghiệp. Tỷ suất lợi nhuận gộp được tính bằng cách lấy tổng lợi nhuận gộp chia cho doanh thu:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận gộp (\%)} = \text{Lợi nhuận gộp} / \text{Doanh thu}$$

Trong đó:

$$\text{Lợi nhuận gộp} = \text{Doanh thu} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

Chỉ số này cho biết mỗi đồng doanh thu về tạo ra được bao nhiêu đồng thu nhập. Thông qua biểu 35 ta thấy Tôn mạ màu (12,24%), Tôn mạ kẽm (12,07%) có tỷ suất lợi nhuận gộp cao hơn chứng tỏ có lãi hơn và kiểm soát chi phí hiệu quả hơn so với Cửa sổ 2 cánh (9,08%), Cửa sổ 3 cánh (7,3%), Tôn lạnh (8,84%).

Chỉ đơn thuần nhìn vào thu nhập của một mặt hàng sẽ không thể nắm bắt hết toàn bộ thông tin về mặt hàng đó. Thu nhập tăng là dấu hiệu tốt nhưng điều đó không có nghĩa là tỷ suất lợi nhuận gộp đang được cải thiện.

Ví dụ nếu một mặt hàng có tốc độ tăng chi phí cao hơn so với doanh thu, tỷ suất lợi nhuận gộp của mặt hàng đó sẽ giảm. Điều này có nghĩa là cần kiểm soát tốt chi phí mặt hàng đó. Vậy nên khi tăng lợi nhuận gộp thì đồng thời cũng phải tìm cách làm tăng tỷ suất lợi nhuận gộp theo tỷ lệ tương ứng.

Như vậy, lợi nhuận của các mặt hàng sẽ là yếu tố cấu thành lên lợi nhuận của toàn doanh nghiệp. Ta cần quản lý chặt chẽ chi phí của từng mặt hàng đó ngay từ ban đầu.

Tạo tiền và nắm giữ tiền là một trong những mục tiêu hàng đầu của các doanh nghiệp. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào khả năng thanh khoản và hiệu quả kinh doanh bởi các yếu tố này sẽ quyết định đến khả năng trả cổ tức cho các nhà đầu tư. Chính vì thế nhà đầu tư cần phải phân tích khả năng sinh lợi (profitability) của một doanh nghiệp dưới nhiều góc độ, bao gồm cả hiệu quả sử dụng các nguồn lực và lượng thu nhập tạo ra từ hoạt động của doanh nghiệp. Tính toán tỷ suất lợi nhuận gộp của một doanh nghiệp là một việc làm thiết thực để có được cái nhìn thấu đáo về doanh nghiệp.

---

### 3.2.2 Giải pháp 2: Áp dụng phần mềm kế toán.

- Lý do: Công ty TNHH Bảo Phúc có sử dụng máy tính để lưu trữ sổ sách nhưng vẫn là phần mềm Word, Excel. Đó không phải là phần mềm kế toán chuyên dụng vậy nên việc tìm kiếm, quản lý dữ liệu, thực hiện các phần hành kế toán vẫn tốn nhiều thời gian và nhân lực.

- Mục tiêu: Lưu trữ tài liệu một cách hệ thống; Tiết kiệm thời gian và nhân lực trong công việc tổng hợp, đối chiếu, lập báo cáo; Kiểm soát, xử lý, cung cấp thông tin kế toán một cách nhanh chóng, chính xác.

- Cách thức tiến hành: Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như MISA, FAST, CYBER, ACOUTING, ADSOFT ... Công ty nên xem xét và quyết định mua phần mềm kế toán phù hợp và uy tín để hỗ trợ cho công tác kế toán có hiệu quả cao nhất. Công TNHH Bảo Phúc là doanh nghiệp nhỏ nên có thể sử dụng các phần mềm kế toán sau: MISA, Fast Accounting, CeAC...

**Phần mềm kế toán MISA:** <http://www.misa.com.vn>

Đây là loại phần mềm quản lý kế toán thông dụng được nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng bởi nó hỗ trợ nhiều phân hệ mới, giao diện dễ sử dụng cho phép nhà quản lý tùy chỉnh một cách dễ dàng. Để biết thêm thông tin về phần mềm, kế toán có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn.



**Phần mềm kế toán Fast Accounting:** <http://fast.com.vn>

Fast Accounting có 1 phân hệ thống và 14 phân hệ nghiệp vụ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kế toán, thuế cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Luôn cập nhật các thông tư về kế toán và thuế của Bộ tài chính và Tổng cục thuế. Đây là phần mềm kế toán có nhiều tiện ích, tính năng thông minh giúp người sử dụng khai thác thông tin một cách hiệu quả. Để biết thêm thông tin về phần mềm kế toán có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn.



---

## KẾT LUẬN

Đất nước ta đang bước vào một giai đoạn phát triển với tốc độ nhanh, mạnh của nền kinh tế mở. Mỗi một doanh nghiệp cần phải xác định rõ ràng mục tiêu, con đường phát triển của mình, công ty TNHH Bảo Phúc cũng không nằm ngoài quỹ đạo đó. Để trở thành công cụ quản lý có hiệu quả, kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng phải luôn được cải tiến và hoàn thiện, nhằm đáp ứng công tác quản lý trong nền kinh tế hiện nay. Như vậy, có thể thấy tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh đóng vai trò rất quan trọng là nhu cầu tất yếu của công tác quản lý. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh cần phải được quan tâm đúng mức, luôn được hoàn thiện và đổi mới.

Sau thời gian thực tập tại công ty TNHH Bảo Phúc, được sự giúp đỡ của thầy cô hướng dẫn và các anh chị trong phòng kế toán của công ty, em đã nhận được tầm quan trọng và sự ảnh hưởng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh tới quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh là công cụ đắc lực giúp cho lãnh đạo công ty nắm được tình hình và chỉ đạo sản xuất, lập kế hoạch thu mua, tiêu thụ phù hợp. Từ đó có ý nghĩa quyết định đến việc tăng lợi nhuận.

Khóa luận tốt nghiệp đề tài “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh tại Công ty TNHH Bảo Phúc” đã nêu được những vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận, đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Về thực tiễn, đề tài đã mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh tại Công ty TNHH Bảo Phúc một cách khách quan, trung thực thông qua số liệu năm 2019 minh chứng cho các lập luận đưa ra.
- Đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn tại công ty TNHH Bảo Phúc, bài khóa luận đưa ra một số biện pháp hoàn thiện kế toán hàng hóa tại công ty như mở sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán để xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng.



---

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ tài chính (2016), Chế độ kế toán doanh nghiệp, NXB LĐXH.
2. Công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo Phúc. Tài liệu, sổ sách kế toán công ty (2019).
3. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn.
4. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy (2009), Giáo trình Kế toán tài chính, NXB Tài chính.
5. Nguyễn Văn Công (2008), Lý thuyết và thực hành KTTTC, NXB Tài chính.
6. Phan Đức Dũng (2009), Bài tập kế toán tài chính, NXB Thống kê.
7. Website Bộ tài chính [www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn)